

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành quy định pháp luật về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTT ngày 05/11/2018 của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Căn cứ quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm tiến hành thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận như sau:

Phần I

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 27/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Cấp nước Ninh Thuận thành Công ty Cổ phần. Ngành nghề chính của Công ty là sản xuất nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất; khảo sát, thiết kế và thi công các công trình nước.

Loại hình hoạt động của Công ty là Công ty đại chúng niêm yết và giao dịch cổ phiếu thông qua sàn giao dịch Upcom HNX thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Tổng số vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 31/12/2017 đã tăng từ 54.663.850.000 đồng lên 94.908.414.916 đồng tương ứng 9.490.841 cổ phần sau 2 lần giao dịch thỏa thuận bán cổ phần và 1 lần giao dịch hoán đổi nợ thành cổ phần với Công ty TNHH TM và XD Sơn Long Thuận. Trong đó: Vốn Nhà nước nắm giữ 4.940.555 cổ phần tương ứng 52,06%, Công ty TNHH TM và XD Sơn Long Thuận nắm 4.022.486 cổ phần tương ứng 42,38% và các tổ chức, cá nhân khác nắm giữ 527.800 cổ phần tương ứng 4,46%. Cơ cấu tổ chức quản lý gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

Trong 3 năm (2015-2017), Công ty đã cố gắng chấp hành các quy định pháp luật về sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng. Cụ thể: Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thông qua Đại hội cổ đông Công ty đã đề ra chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, mục tiêu về các chỉ tiêu tài chính và mức lợi nhuận kế hoạch phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty. Đối với hoạt động đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, trong 3 năm (2015-2017) Công ty đã thực hiện mua sắm 25 loại tài sản, đầu tư xây dựng 30 công trình. Quá trình thực hiện đầu tư mua sắm tài sản và xây dựng công trình cơ bản được Công ty thực hiện phù hợp quy định pháp luật. Các tài sản đã đầu tư trong thời gian qua đã phát huy được hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Công ty vẫn còn bộc lộ những sai sót

về việc chấp hành quy định pháp luật về trách nhiệm được ủy quyền của Hội đồng quản trị; việc điều hành quản lý của Giám đốc; việc thi hành nhiệm vụ của Ban kiểm soát và thực hiện trách nhiệm được giao của một số cán bộ quản lý, nhân viên đối với hoạt động quản lý, sử dụng tài chính và đầu tư xây dựng.

Phần II

KẾT QUẢ THANH TRA

I. Việc chấp hành quy định pháp luật của lãnh đạo Công ty về công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý các hoạt động của Công ty.

1. Việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

Hội đồng Quản trị gồm 3 thành viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh với trách nhiệm là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cụ thể: trong tổng số 8.163.555 cổ phần do Nhà nước nắm giữ, ông Nguyễn Hoàng - Phó Giám đốc Sở Tài chính giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện 35% phần vốn Nhà nước, tương ứng 2.857.244 cổ phần; ông Nguyễn Văn Minh - Phó Giám đốc Sở Xây dựng giữ chức thành viên Hội đồng quản trị, đại diện 35% phần vốn Nhà nước, tương ứng 2.857.244 cổ phần; ông Phạm Hồng Châu - Giám đốc Công ty giữ chức thành viên Hội đồng quản trị, đại diện 30% phần vốn Nhà nước, tương ứng 2.449.067 cổ phần.

Trong 3 năm (2015-2017) Hội đồng quản trị cơ bản thực hiện tương đối đầy đủ trách nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết Đại hội cổ đông, cụ thể: Phê duyệt kế hoạch sản xuất hàng năm của Công ty; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền thông qua việc ban hành các nghị quyết phê duyệt chủ trương trong quá trình điều hành; bổ nhiệm đối với Giám đốc, bầu Ban Kiểm soát và thư ký Công ty, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người được bầu và bổ nhiệm; duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

Tuy nhiên, kiểm tra hồ sơ cho thấy: Hội đồng quản trị chưa hoàn thành triệt để trách nhiệm được ủy quyền đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cụ thể: Chưa báo cáo định kỳ cho cơ quan chủ sở hữu vốn nhà nước về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014 "*Định kỳ hằng quý, hằng năm và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đại diện phần vốn nhà nước tổng hợp, báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp*"; chưa xin ý kiến hoặc đã xin ý kiến nhưng chưa có ý kiến phản hồi của cơ quan đại diện chủ sở hữu về một số vấn đề cần phải lấy ý kiến để biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị (năm 2016, 2017 có văn bản xin ý kiến về tổ chức Đại hội cổ đông nhưng trong thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính tham mưu đề xuất hướng giải quyết, Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông khi chưa có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014 "*Báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia*"₂

y kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên các vấn đề sau đây: Ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh; Ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng hoặc giảm vốn điều lệ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc; Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp; Tổ chức lại, giải thể, phá sản; Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên”.

Trong quá trình quản lý, điều hành Hội đồng quản trị đã thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, giám sát công việc của Giám đốc và các Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực và người quản lý khác trong Công ty được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị “*Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty*”. Thực tế, thời gian qua (2015-2017) Công ty đã xảy ra các sai phạm liên quan đến trách nhiệm của Ban Giám đốc trong đầu tư xây dựng, mua sắm và một số vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính (*chi tiết được đề cập tại mục 2*).

Hơn nữa, 2/3 thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm tại Công ty nên không chủ động trong việc điều hành công việc hàng ngày tại Công ty. Thậm chí có nhiều thời điểm không triệu tập được cuộc họp Hội đồng quản trị để công khai thảo luận làm rõ các vấn đề trong hoạt động điều hành mà chỉ lấy ý kiến bằng văn bản với các mẫu biểu đơn giản là đồng ý hay không đồng ý.

2. Việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của Giám đốc.

Giám đốc đã tham mưu Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua Điều lệ Công ty, đến thời điểm hiện tại nội dung Điều lệ thực tế chỉ được sửa đổi 1 lần vào năm 2012 qua 5 lần ban hành từ các năm 2008 đến 2017 (từ năm 2012 trở về sau Điều lệ không thay đổi về nội dung).

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Giám đốc Công ty căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông, tham mưu Hội đồng quản trị thông qua và phê duyệt nhiều phương án, chủ trương đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản và tổ chức điều hành bộ máy Công ty. Kiểm tra hồ sơ quản lý cho thấy, Giám đốc đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình quản lý, bám sát tình hình thực tế để chỉ đạo các bộ phận, phòng chuyên môn của Công ty hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, ban hành nhiều quyết định chỉ đạo, điều hành hoạt động Công ty mang lại nhiều hiệu quả tích cực, góp phần tăng năng lực sản xuất, thúc đẩy bộ máy Công ty nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Đồng thời tăng nguồn thu trong hoạt động sản xuất. Cụ thể:

- Trong công tác đầu tư xây dựng công trình đã phát huy tích cực, các tuyến ống đầu tư đã mở rộng mạng lưới sản xuất nước phủ rộng đến các xã còn khó khăn của các huyện như: Ninh Sơn, Ninh Phước và Thuận Nam. Nguồn nước sạch, đảm bảo vệ sinh cung cấp cho bà con vùng sâu, vùng xa trong sinh hoạt, cũng như trong tưới tiêu mùa màng đã góp phần giảm thiểu bệnh lây nhiễm do sử dụng nguồn nước thiếu an toàn và tăng nguồn nước tưới tiêu, chống hạn ở các vùng thiếu nước.

- Trong hoạt động mua sắm tài sản, Công ty đã tổ chức lựa chọn mua sắm nhiều tài sản có giá trị lớn gồm thiết bị phục vụ sản xuất và một số thiết bị được₃

trang bị kèm phần mềm phục vụ hoạt động quản lý. Trong số các thiết bị mua sắm trong 3 năm (2015-2017) cơ bản đã phát huy được hiệu quả, phù hợp với lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty, qua đó giúp nâng cao giải pháp tự động hóa trong vận hành và quản lý điều hành.

- Trong công tác quản lý và sử dụng tài chính, Giám đốc Công ty đã có nhiều quyết định chỉ đạo bộ máy kế toán Công ty tổ chức theo dõi, hạch toán tương đối đầy đủ các chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh; trình tự, thủ tục lập hồ sơ thanh quyết toán chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm cơ bản phù hợp với quy định pháp luật về tài chính và đầu tư xây dựng.

Tuy nhiên, bên cạnh đó trong 3 năm (2015-2017) việc ban hành Điều lệ Công ty vẫn còn thiếu, sai sót nhiều nội dung quan trọng, chậm sửa đổi theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2015 (Luật DN), cụ thể: Thiếu một số điều khoản quy định như về bán cổ phần theo Điều 125 Luật DN; mua lại cổ phần theo yêu cầu cổ đông được quy định tại Điều 129 Luật DN; điều khoản quy định phương thức, thủ tục cũng như điều kiện thanh toán khi mua lại cổ phần theo yêu cầu cổ đông tại Điều 131 Luật DN; tại Điều 39 của Điều lệ Công ty về “phân phối lợi nhuận” quy định chưa đầy đủ, thiếu nội dung quy định điều kiện để trả cổ tức cũng như phân phối lợi nhuận được quy định tại Điều 132 Luật DN; thiếu điều khoản quy định người đại diện theo pháp luật của Công ty và điều khoản quy định căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên được quy định tại các điểm g và i Điều 25 Luật DN. Sửa đổi tiết a điểm 3 Điều 14 và khoản 1 Điều 33 của Điều lệ Công ty vì tham chiếu điều khoản chưa phù hợp; bãi bỏ khoản 1 Điều 32 của Điều lệ quy định Trưởng ban Kiểm soát làm việc không chuyên trách đối với Công ty Cổ phần và cần bổ sung quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 163 Luật DN.

Trong quá trình quản lý, Giám đốc Công ty vẫn còn biểu hiện buông lỏng công tác quản lý về đầu tư xây dựng cơ bản; chấp hành chưa nghiêm quy định pháp luật đối với công tác mua sắm tài sản, thực hiện công tác quản lý tài chính còn sai sót, chưa phù hợp với quy định pháp luật về thuế và các quy định pháp luật khác về tài chính (*chi tiết phần II*).

3. Việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

Theo nội dung Nghị quyết số 01/HĐQT ngày 18/03/2014 của Hội đồng quản trị, bầu Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên: Ông Trần Hồng Phương hiện là Phó Trưởng Phòng Tổ chức hành chính của Công ty giữ chức Trưởng ban; ông Lê Văn Hải - Trưởng Phòng Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính và ông Phạm Hữu Sơn - Trưởng Phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật Sở Xây dựng giữ chức thành viên.

Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và quyền được cung cấp thông tin được quy định tại Điều 165, 166 Luật DN và Điều 33 của Điều lệ Công ty. Theo các quy định trên, Ban Kiểm soát được toàn quyền giám sát toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư xây dựng theo trách nhiệm và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, cũng như tham gia và tiếp cận các tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Trong quá trình thực hiện Ban Kiểm soát phải thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, liên tục như: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập

báo cáo tài chính; xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết; rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 163 Luật DN *“Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn”*. Qua kiểm tra hồ sơ Ban Kiểm soát cho thấy: Việc bầu và bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát chưa đúng quy định pháp luật, các thành viên Ban Kiểm soát chỉ làm việc kiêm nhiệm, đặc biệt Trưởng Ban Kiểm soát là Phó Trưởng Phòng Tổ chức hành chính của Công ty kiêm nhiệm là trái quy định hiện hành.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát chưa thường xuyên tổ chức các cuộc họp trong năm hoặc cuộc họp đột xuất để thảo luận các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty là cơ sở đưa ra các cảnh báo, đề xuất và kiến nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc thực hiện điều chỉnh, sửa đổi và có giải pháp phù hợp đối với hoạt động của đơn vị. Do chưa thường xuyên giám sát toàn diện dẫn đến không phát hiện các sai phạm, đặc biệt là quản lý đầu tư xây dựng, mua sắm và công tác tài chính (nêu tại mục II). Báo cáo hàng năm của Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông đơn giản, chưa đánh giá được toàn diện tình hình hoạt động của Công ty.

II. Việc tuân thủ quy định pháp luật đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Hạch toán kế toán, sổ kế toán và quản lý hồ sơ, chứng từ.

Qua kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán cho thấy: Các khoản chi đều được ghi sổ, hạch toán và sử dụng đúng tài khoản kế toán để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Việc hạch toán, ghi sổ bằng phần mềm kế toán, chứng từ kế toán được sắp xếp theo trình tự thời gian, chi tiết rõ ràng, sử dụng phương pháp hạch toán đúng quy định của Luật Kế toán.

Bộ máy kế toán được tổ chức chi tiết theo từng lĩnh vực hoạt động, có phân công nhiệm vụ cho các kế toán viên đã qua đào tạo chuyên ngành về lĩnh vực tài chính, kế toán đủ năng lực, đảm bảo theo dõi xuyên suốt chu kỳ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp.

Tuy nhiên, kế toán Công ty chưa mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi một số tài khoản thường xuyên phát sinh để phân loại, kiểm tra phục vụ cho công tác quản lý chỉ đạo của Ban Giám đốc như: Sổ theo dõi nợ phải thu, phải trả; tài sản cố định; vật tư, vật phẩm, hàng hóa; các khoản trích trước và chi phí trả trước dài hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Luật Kế toán *“Kế toán chi tiết phải thu thập, xử lý, ghi chép và cung cấp thông tin chi tiết bằng đơn vị tiền tệ, đơn vị hiện vật và đơn vị thời gian lao động theo từng đối tượng kế toán cụ thể trong đơn vị kế toán. Kế toán chi tiết minh họa cho kế toán tổng hợp. Số liệu kế toán chi tiết phải khớp đúng với số liệu kế toán tổng hợp trong một kỳ kế toán”*, là cơ sở quan trọng giúp các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tài chính, thuế giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Công ty theo quy định pháp luật.

2. Quản lý, sử dụng tài sản cố định.

Việc quản lý tài sản trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh là nhiệm vụ quan trọng, do đó việc phân loại, theo dõi và bảo quản tài sản cần phải thực hiện liên tục, xuyên suốt chu kỳ hoạt động của tài sản. Đồng thời bố trí tài sản vào sử dụng phải đảm bảo đúng tính năng, công dụng để phát huy hiệu quả của mỗi loại tài sản theo từng đặc tính kỹ thuật.

Qua kiểm tra danh mục tài sản cho thấy: Công ty đã tổ chức theo dõi, quản lý tài sản cố định, gồm số tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và số tài sản cố định đang trong giai đoạn khấu hao, việc trích khấu hao được thực hiện đầy đủ, đúng phương pháp. Đoàn thanh tra đã tổ chức kiểm tra thực tế ngẫu nhiên một số tài sản cố định thuộc danh mục tài sản cho thấy: Số tài sản đang được Công ty quản lý, thực tế đã được sử dụng tại các nhà máy trực thuộc Công ty và một số trạm giao dịch trên địa bàn các huyện.

Tuy nhiên, Công ty chưa ban hành quy chế quản lý tài sản để quy định rõ việc phối hợp giữa các bộ phận và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân có liên quan trong việc theo dõi, quản lý sử dụng tài sản của doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp “Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm xây dựng, ban hành, thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định của doanh nghiệp” và chưa mở sổ chi tiết theo dõi để đảm bảo nguyên tắc quản lý tài sản cố định (TSCĐ) được quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định “Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng (gồm biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hoá đơn mua TSCĐ và các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan). Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ”.

3. Quản lý nợ phải thu, phải trả.

Năm 2015, Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ phải thu, phải trả. Nội dung quy chế thể hiện rõ nguyên tắc xác định nợ phải thu, phải trả; cách thức xử lý nợ và trách nhiệm của các cá nhân, tập thể liên quan đến việc xử lý nợ. Kiểm tra hồ sơ quản lý nợ cho thấy: Số nợ phải thu, phải trả trong 3 năm (2015-2017) đã được kế toán tổ chức theo dõi, phân loại, quản lý và đôn đốc xử lý phù hợp với quy định.

4. Thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước.

Kiểm tra hồ sơ thuế cho thấy: Trong 03 năm (2015-2017), Công ty đã phát sinh nghĩa vụ phải thực hiện với Nhà nước gồm 6 loại thuế, phí; riêng năm 2017 phát sinh số phải nộp về cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Công ty đã chủ động tính và xác định số thuế, phí phải nộp Ngân sách Nhà nước tương đối phù hợp với quy định pháp luật và kịp thời phản ánh đầy đủ vào sổ kế toán số thuế phải nộp. Thực tế số thuế, phí phải nộp trong 03 năm (2015-2017) như sau:

ĐVT: Đồng

TT	Chi tiêu	Kỳ trước chuyển sang	Phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
I	Năm 2015	3.101.095.722	11.158.796.348	12.142.856.026	2.117.036.044
1	Thuế GTGT	43.362.023	1.969.242.032	1.854.329.370	158.274.685
2	Thuế TNDN	2.915.119.066	6.256.178.705	7.500.000.000	1.671.297.771
3	Thuế MB	0	6.000.000	6.000.000	0

4	Thuế T.Nguyên	11.488.240	24.846.200	19.672.580	16.661.860
5	Thuế TNCN	-16.645.903	136.113.405	190.049.256	-70.581.754
6	Phí BVMT	147.772.296	2.766.416.006	2.572.804.820	341.383.482
II	Năm 2016	2.117.036.044	10.706.047.937	12.594.301.577	228.782.404
1	Thuế GTGT	158.274.685	372.714.397	615.106.689	-84.117.607
2	Thuế TNDN	1.671.297.771	5.446.479.763	7.000.133.876	117.643.658
3	Thuế MB	0	6.000.000	6.000.000	0
4	Thuế T.Nguyên	16.661.860	26.789.500	36.266.260	7.185.100
5	Thuế TNCN	-70.581.754	172.390.984	278.226.776	-176.417.546
6	Phí BVMT	341.383.482	4.681.673.293	4.658.567.976	364.488.799
III	Năm 2017	228.782.404	9.149.294.709	10.884.330.975	-1.515.635.225
1	Thuế GTGT	-84.117.607	464.144.683	464.003.956	-93.358.243
2	Thuế TNDN	117.643.658	2.454.967.020	2.620.000.000	-47.389.322
3	Thuế MB	0	7.000.000	7.000.000	0
4	Thuế T.Nguyên	7.185.100	26.365.240	26.225.600	7.324.740
5	Cấp quyền khai thác TN nước	0	36.600.000	36.600.000	0
6	Thuế TNCN	-176.417.546	260.418.805	176.582.333	-92.581.074
7	Phí BVMT	364.488.799	5.899.798.961	7.553.919.086	-1.289.631.326

Tuy nhiên, việc tính toán và xác định số thuế phải nộp vẫn còn sai sót, kế toán Công ty đã kê khai, xác định chưa chính xác và đầy đủ đối với số thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty. Cụ thể:

4.1- Đối với thuế thu nhập cá nhân.

Năm 2015, Công ty đã kê khai thiếu thuế thu nhập cá nhân của 21 cá nhân đối với các khoản chi trả cho người lao động có hợp đồng lao động như: Tiền bồi dưỡng tham gia các hoạt động, hợp mặt đầu năm, lễ 02/9/2015, tiền bồi dưỡng tham gia thi công các công trình... các khoản tiền thưởng thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công được quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân. Số tiền phải truy thu 15.875.209 đồng.

4.2- Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.2.1- Thuế suất ưu đãi.

Năm 2017, Công ty đã kê khai để được hưởng mức thuế suất ưu đãi đối với lĩnh vực sản xuất nước sạch theo quy định tại điểm 10 mục V Danh mục các loại hình xã hội hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, mức thuế suất ưu đãi là 10%. Tuy nhiên, kế toán Công ty tính toán, xác định chưa chính xác và đầy đủ số tiền thuế phải nộp. Cụ thể:

Lĩnh vực hoạt động của Công ty phát sinh doanh thu là sản xuất nước, lắp đặt hệ thống nước và tiền lãi ngân hàng. Thuế suất ưu đãi chỉ áp dụng cho lĩnh vực sản xuất nước sạch (10%), riêng lĩnh vực lắp đặt và lãi tiền gửi có kỳ hạn không thuộc lĩnh vực được hưởng ưu đãi thuế.

Theo quy định tại khoản 8 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 (Thông tư 78) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 7

218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp “Trong thời gian được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nếu trong năm tính thuế mà doanh nghiệp không đáp ứng đủ một trong các điều kiện ưu đãi thuế quy định tại các khoản 7, 8 và khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và quy định tại Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP thì doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi trong năm tính thuế đó mà phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông và năm đó sẽ tính trừ vào thời gian được hưởng ưu đãi thuế của doanh nghiệp”. Trong đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định “Doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi hoặc miễn thuế, giảm thuế); trường hợp có khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ không thể hạch toán riêng được thì khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ đó xác định theo tỷ lệ giữa chi phí được trừ hoặc doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh hưởng ưu đãi thuế trên tổng chi phí được trừ hoặc doanh thu của doanh nghiệp”.

Như vậy, việc tách riêng hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế là bắt buộc, sau đó xác định chi phí thực tế được trừ phát sinh theo từng lĩnh vực hoạt động tương ứng và áp dụng mức thuế suất cho từng lĩnh vực để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Đoàn thanh tra đã tính toán và phân bổ các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất nước sạch và lắp đặt gồm: giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ (%) ghi nhận được giữa thu nhập sản xuất nước và lắp đặt được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Riêng khoản doanh thu hoạt động tài chính (tiền lãi ngân hàng) phát sinh gồm lãi của tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn, thì mức thuế suất ưu đãi được áp dụng đối với lãi tiền gửi không kỳ hạn được quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư 78 của Bộ Tài chính “Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về lĩnh vực ưu đãi đầu tư thì các khoản thu nhập từ lĩnh vực ưu đãi đầu tư và các khoản thu nhập như thanh lý phế liệu, phế phẩm của sản phẩm thuộc lĩnh vực được ưu đãi đầu tư, chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của lĩnh vực được ưu đãi, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản thu nhập có liên quan trực tiếp khác cũng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Ngày 29/6/2018, Đoàn Thanh tra đã tiến hành làm việc với Cục Thuế tỉnh để xác định lại phương pháp tính và cách áp dụng văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực ưu đãi thuế của Công ty. Cục Thuế tỉnh khẳng định:

“Để áp dụng mức thuế suất ưu đãi (10%) đối với lĩnh vực sản xuất nước sạch, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận phải đáp ứng điều kiện quy định tại Mục XII hướng dẫn trách nhiệm của cơ sở xã hội hóa của Thông tư số 35/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, trong đó tại khoản 5 quy định “...Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê; thực hiện kiểm toán hàng năm và công khai kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật”

Hơn nữa, điều kiện được hưởng thuế suất ưu đãi đã được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Riêng đối với lãi suất ngân hàng được hưởng thuế suất ưu đãi được quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

Như vậy, theo các quy định trên Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận phải đáp ứng yêu cầu về công tác kế toán, thống kê; phải thực hiện hạch toán riêng lĩnh vực được hưởng thuế suất ưu đãi là điều kiện bắt buộc để được hưởng thuế suất ưu đãi. Hơn nữa, lĩnh vực hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tương đối đơn giản, do đó Công ty phải hạch toán riêng lĩnh vực hoạt động được hưởng thuế suất ưu đãi (sản xuất nước sạch). Tuy nhiên, năm 2017 Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đã hạch toán xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ. Từ năm 2018 yêu cầu Công ty phải kê khai quyết toán thuế TNDN chi tiết và hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp". Kết quả xác định lại như sau:

DVT: Đồng

TT	Chi tiết	Giá trị	Số liệu Công ty		Số liệu Thanh tra	
			T.suất 10%	T.suất 20%	T.suất 10%	T.suất 20%
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.628.321.912			124.981.854.754	4.341.672.155
1	Sản xuất nước	124.981.854.754			124.981.854.754	
2	Lắp đặt	4.341.672.155				4.341.672.155
II	Doanh thu hoạt động tài chính	6.913.378.908			48.615.996	6.864.762.912
1	Lãi không kỳ hạn	48.615.996			48.615.996	
2	Lãi có kỳ hạn	6.864.762.912				6.864.762.912
III	Giá vốn hàng bán	85.810.878.900			82.620.476.996	2.870.104.825
1	Sản xuất nước + Lắp đặt	85.490.581.821				
2	Sản xuất nước	82.620.476.996			82.620.476.996	
3	Lắp đặt	2.870.104.825				2.870.104.825
IV	Chi phí tài chính	9.863.372.175			9.532.237.312	331.134.863
1	Sản xuất nước	9.532.237.312			9.532.237.312	
2	Lắp đặt	331.134.863				331.134.863
V	Chi phí bán hàng	7.453.101.853			7.201.420.987	250.165.986
1	Sản xuất nước + Lắp đặt	7.451.586.973				
2	Sản xuất nước	7.201.420.987			7.201.420.987	
3	Lắp đặt	250.165.986				250.165.986
VI	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.201.505.561			9.855.747.877	342.373.109
1	Sản xuất nước + Lắp đặt	10.198.120.986				
2	Sản xuất nước	9.855.747.877			9.855.747.877	
3	Lắp đặt	342.373.109				342.373.109
VII	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	23.212.842.331	-	-	15.820.587.578	7.412.656.284
1	Sản xuất nước + Lắp đặt	23.233.243.862	22.453.253.319	779.990.543		
2	Sản xuất nước	15.771.971.582	-	-	15.771.971.582	-
3	Lắp đặt	547.893.372	-	-	-	547.893.372
4	Tài chính	6.913.378.908			48.615.996,00	6.864.762.912
VIII	Thu nhập khác	124.929.283				124.929.283
IX	Chi phí khác	1.152.318				1.152.318
X	Lợi nhuận khác	123.776.965		123.776.965		123.776.965
XI	Tổng lợi nhuận KT trước thuế	23.336.619.296	22.453.253.319	903.767.508	15.820.587.578	7.536.433.249
1	Sản xuất nước + Lắp đặt	23.357.020.827				
2	Sản xuất nước	15.771.971.582			15.771.971.582	
3	Lắp đặt	547.893.372				547.893.372
4	Tài chính	6.913.378.908			48.615.996	6.864.762.912
5	LN khác	123.776.965				123.776.965

XII	Cộng khoản không hợp lý, hợp lệ	279.498.495	270.115.122	9.383.373	270.115.122,45	9.383.373
XII I	Lợi nhuận tính thuế TNDN	23.636.519.322	22.723.368.44 2	913.150.880	16.090.702.700	7.545.816.622
1	Sản xuất nước	15.771.971.582			15.771.971.582	
2	Lắp đặt	547.893.372				547.893.372
3	Tài chính	6.913.378.908			48.615.996	6.864.762.912
4	LN khác	403.275.460			270.115.122	133.160.338
XIV	Thuế TNDN phải nộp	2.454.967.020	2.272.336.844	182.630.176	1.609.070.270	1.509.163.324
XV	Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.881.652.276	20.180.916.47 5	721.137.332	14.481.632.430	6.036.653.297

Như vậy, chênh lệch số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải truy nộp là 663.266.574 đồng (trong đó: thuế suất 10% phải nộp là - 663.266.574 đồng và thuế suất 20% là 1.326.533.148 đồng).

4.2.2- Đối với thuế TNDN của chi phí đầu tư không ghi tăng tài sản theo quy định.

Trong 03 năm (2015-2017), Công ty hạch toán chi phí đầu tư, nâng cấp tài sản cố định đối với 14 công trình do Công đoàn và Đoàn thanh niên của Công ty thực hiện vào chi phí sản xuất kinh doanh với số tiền là 1.725.850.376 đồng, mặc dù đây là chi phí đầu tư đủ điều kiện, tiêu chuẩn hình thành tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và phải trích khấu hao hàng năm. Việc hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh là không đúng quy định tại điểm 2.31 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính “*Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm: Chi về đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định*” và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định “*Các chi phí doanh nghiệp chi ra để đầu tư nâng cấp tài sản cố định được phản ánh tăng nguyên giá của TSCĐ đó, không được hạch toán các chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ*”. Do đó, Công ty phải hạch toán giảm chi phí sản xuất kinh doanh với số tiền 1.725.850.376 đồng, tương ứng với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải truy nộp là 345.170.045 đồng (**Đính kèm danh mục 14 công trình**).

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016, Công ty đã điều chỉnh tờ khai và đã nộp bổ sung (do điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định trong các năm 2013, 2014 và 2015 dẫn đến phải điều chỉnh giảm chi phí khấu hao tài sản) nhưng Công ty chưa điều chỉnh sổ sách đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp. Ngày 23/5/2018, Công ty đã có văn bản kiến nghị Đoàn thanh tra cho phép điều chỉnh lại sổ sách kế toán đối với phần thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp. Qua kiểm tra, xem xét, đánh giá trên sổ sách kế toán cho thấy: Việc Công ty hạch toán bổ sung đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp vào sổ kế toán và điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế là phù hợp quy định pháp luật.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí trích trước, trả trước dài hạn.

5.1- Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp (TK642):

Đây là khoản chi phí được cấu thành trong tổng cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gồm: Lương cán bộ, nhân viên quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định... và chi phí tiếp khách.

Kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán cho thấy: Công ty đã chi các khoản liên

quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật và đúng tiêu chuẩn, định mức chi theo quy chế chi tiêu nội bộ của doanh nghiệp, cụ thể:

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Tổng	Chi tiết		
			2015	2016	2017
1	Chi phí nhân viên quản lý	3.949.515.264	1.314.000.000	1.440.879.840	1.194.635.424
2	Chi phí nguyên vật liệu	987.337.908	284.108.459	334.909.824	368.319.625
3	Chi phí đồ dùng V. phòng	4.810.389	4.810.389	-	-
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	1.800.058.293	302.754.778	498.345.957	998.957.558
5	Thuế, phí	2.933.400.730	616.429.284	657.916.718	1.659.054.728
6	Chi phí dự phòng	124.872.849	63.280.897	4.050.752	57.541.200
7	Chi dịch vụ mua ngoài	3.860.556.673	942.163.955	934.527.031	1.983.865.687
8	Chi phí bằng tiền khác	8.228.137.021	2.176.322.935	2.357.316.830	3.694.497.256
9	Chi phí tiếp khách	676.945.989	194.423.455	237.888.451	244.634.083
	Tổng cộng	22.565.635.116	5.898.294.152	6.465.835.403	10.201.505.561

5.2- Đối với chi phí trích trước (TK335).

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi phí phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh.

Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy: Công ty đã trích trước các khoản chi phí phải trích trong kỳ như: Lãi vay vốn AFD, chi phí vận chuyển, chi phí về tiền lương... Quá trình hạch toán, ghi nhận chi phí thực tế phát sinh phù hợp với quy định pháp luật về kế toán, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Cụ thể:

DVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Chi tiết		
			2015	2016	2017
1	Chi phí lãi vay vốn AFD	2.521.512.100	943.609.864	842.117.286	735.784.950
2	Chi phí lãi vay vốn ADB	29.862.840.880	10.762.312.120	9.972.941.535	9.127.587.225
3	Chi phí ăn Ca	1.576.478.600	440.150.000	515.584.500	620.744.100
4	Chi phí công trình thi công tổng,	559.844.856	249.725.554	184.711.202	125.408.100
5	Nhiên liệu 3 xe ô tô, chạy máy	71.687.038	16.982.311	32.705.818	21.998.909
6	Cước viễn thông	31.747.571	13.509.120	8.772.359	9.466.092
7	VPP và vật dụng hành chính	150.305.200	4.055.500	140.449.700	5.800.000
8	Bồi hoàn bê tông, VT, s.chữa	230.062.811	81.012.798	83.231.841	65.818.172
9	Chi phí vận chuyển	11.660.000	4.200.000	-	7.460.000
10	Tư vấn xây dựng hệ thống QLCL	30.303.030	30.303.030	-	-
11	Chi phí xây dựng thang b.lương	415.000.000	138.333.333	276.666.667	-
12	Khác (tiền lương, xét nghiệm...)	110.529.572	20.068.182	48.777.045	41.684.345
	TỔNG CỘNG	35.571.971.658	12.704.261.812	12.105.957.953	10.761.751.893

5.3- Chi phí trả trước dài hạn (TK242).

Chi phí trả trước dài hạn dùng để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán và kết chuyển các khoản chi phí này vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các kỳ sản xuất kinh doanh tương ứng trong các năm sau.

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ cho thấy: Công ty đã tính toán và phân bổ hợp lý các khoản chi phí phát sinh trong nhiều kỳ vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản chi phí cần phân bổ dài hạn trong nhiều kỳ kinh doanh gồm:

TT	Nội dung chi	Tổng	Chi tiết		
			2015	2016	2017
1	Xuất VT phục vụ thay đồng hồ m. phí	3.067.953.064	344.522.326	1.445.927.442	1.277.503.296
2	Xuất VT phục vụ lắp đặt miễn phí	10.130.609.521	4.143.798.958	3.022.320.390	2.964.490.173
3	Chi phí thi công tuyến ống cấp nước	1.047.718.712	466.441.819	379.328.780	201.948.113
4	Chi phí cải tạo, sơn sửa các c.trình khác	1.836.659.236	253.091.209	904.499.519	679.068.508
5	Chi phí sửa chữa hệ thống cấp nước	1.578.944.216	58.019.000	869.544.954	651.380.262
6	Chi phí CCDC, VDHC	1.594.769.446		596.337.609	998.431.837
7	Chi phí khác	1.767.862.489	48.522.727	818.086.068	901.253.694
	TỔNG CỘNG	21.024.516.684	5.314.396.039	8.036.044.762	7.674.075.883

6. Xác định giá thành sản xuất nước, giá bán nước và trách nhiệm trong việc quyết định giá bán nước của Công ty cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải.

6.1- Lý do Công ty làm nhà phân phối đầu nguồn cung cấp nước cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải.

Từ năm 1993 đến năm 2012, Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép khai thác nguồn nước ngầm với công suất >2.000 m³/ngày - đêm để cung cấp nước sinh hoạt cho các hộ gia đình thuộc khu vực Đông Mỹ Hải. Tuy nhiên, qua thời gian hoạt động có một số cử tri phản ánh về chất lượng nguồn nước của Xí nghiệp. Ngày 14/5/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì cùng các ngành kiểm tra chất lượng nước của Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải. Thực hiện ý kiến chỉ đạo, Sở Xây dựng đã cùng các ngành tổ chức nhiều đợt kiểm tra, kết quả có một số chỉ tiêu không đảm bảo theo quy định. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các ngành, Sở Xây dựng đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án cho Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận làm nhà phân phối đầu nguồn cung cấp nước cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải để đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ cho nhân dân khu vực Đông Mỹ Hải.

6.2- Quy trình, thủ tục quyết định giá bán nước cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn “Đơn vị cấp nước sạch căn cứ khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt do Bộ Tài chính quy định; quy chế tính giá do Nhà nước ban hành; nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch quy định tại Thông tư này xây dựng phương án giá nước sạch báo cáo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và phê duyệt”.

Thực tế qua 03 năm (2015-2017): Công ty cơ bản đã thực hiện quy trình xây dựng giá nước phù hợp với quy định. Cụ thể: Cuối năm 2016, Công ty đã xây dựng phương án giá thành và giá tiêu thụ nước sạch năm 2017 gửi Sở Tài chính đề nghị xem xét thẩm tra. Sở Tài chính yêu cầu Công ty gửi hồ sơ về phương án giá thành đến các cơ quan có liên quan như Sở Xây dựng, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Cục Thuế tỉnh... để lấy ý kiến trước khi trình Sở Tài chính thẩm định. Sau khi có ý kiến góp ý các cơ quan, Sở Tài chính yêu cầu Công ty tiến hành điều chỉnh lại

phương án giá cho phù hợp. Để hoàn thiện phương án giá, Sở Tài chính chủ trì tổ chức các cuộc họp với các ngành có liên quan như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và Ban Kinh tế Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh để thống nhất nội dung phương án. Tiếp tục lấy ý kiến của Hiệp hội doanh nghiệp, Hội Doanh nghiệp trẻ và một số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 07/02/2017, Sở Tài chính đã tổ chức thẩm định phương án giá thành và giá tiêu thụ nước sạch của Công ty (Văn bản số 259/STC-QLGCS). Trên cơ sở đó, ngày 26/6/2017, Công ty đã trình (Tờ trình 217/TTr-CNNT) và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh năm 2017 tại Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017. Riêng 02 năm (2015 và 2016), Công ty sử dụng giá tiêu thụ nước sạch được phê duyệt năm 2014 nên không xây dựng phương án giá.

Tuy nhiên, kết quả qua thanh tra cho thấy dữ liệu sản lượng mà Công ty đưa vào để xây dựng phương án giá thành không đầy đủ dẫn đến giá bán nước được phê duyệt không đảm bảo theo giá thực tế phát sinh.

6.3- Cơ sở hình thành giá.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 5632/UBND-TH ngày 29/11/2012 về việc khẩn trương xúc tiến các công việc hợp nhất 2 đơn vị cấp nước là Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận và Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải, trong đó giao Sở Tài chính khẩn trương hướng dẫn Công ty làm việc với Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải để thống nhất về danh mục tài sản, làm rõ lộ trình thanh toán, phương án sử dụng tài sản khi mua. Ngày 07/12/2012, Sở Tài chính có Văn bản số 3403/STC-TCDN chỉ đạo Công ty khẩn trương tiến hành thực hiện thống nhất một trong hai phương án là mua bán tài sản hoặc hợp nhất một đầu mỗi cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Tuy nhiên, Công ty và Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải chưa thỏa thuận được giá trị tài sản nên phương án mua bán giữa 2 đơn vị không thực hiện được.

Do đó, ngày 07/01/2013 Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 91/UBND-TH chỉ đạo phối hợp cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, đồng ý theo phương án do Sở Xây dựng đề xuất tại Văn bản 2222/SXD-QLHTKT ngày 27/11/2012, theo đó Công ty sẽ làm nhà phân phối đầu nguồn cung cấp nước cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải, giá bán sẽ được 2 đơn vị thỏa thuận trên cơ sở đảm bảo cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải hoạt động có lợi nhuận nhưng phải đảm bảo nguyên tắc giá nước của Xí nghiệp bán cho nhân dân không cao hơn giá bán của Công ty. Việc thỏa thuận hình thành giá nước mua bán giữa Công ty và Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải phải dựa trên cơ sở giá bán nước do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

Trên cơ sở giá bán nước do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Công ty và Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải tiến hành thỏa thuận giá mua bán thông qua việc xác lập hợp đồng dịch vụ cấp nước được ký kết vào ngày 28/12/2012, hàng năm giá nước sẽ được 2 đơn vị thỏa thuận, thống nhất điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng. Phương pháp xác định giá nước giữa 2 đơn vị được áp dụng theo phương pháp chi phí, loại bỏ một số chi phí không liên quan và phân chia 50% lợi nhuận định mức của Công ty theo Thông báo số 25/TB-STC ngày 08/01/2015 của Sở Tài chính kết quả cuộc họp về giá nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

cung cấp cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải.

Theo Giám đốc Công ty cho biết: Sản lượng nước bán cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải là phần sản lượng tăng thêm nên Công ty chỉ tính chi phí sản xuất trực tiếp gồm: Chi phí vật tư trực tiếp, chi phí tiền lương, chi phí bảo dưỡng máy móc và phí dịch vụ môi trường. Tuy nhiên, theo nguyên tắc xác định giá được quy định tại khoản 1 Điều 3 Chương II Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn “*Giá tiêu thụ nước sạch phải được tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất hợp lý, giá thành toàn bộ trong quá trình sản xuất, phân phối, tiêu thụ (bao gồm cả chi phí duy trì đầu nối) để các đơn vị cấp nước duy trì và phát triển trên cơ sở các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành và lợi nhuận định mức hợp lý của khối lượng nước thương phẩm do các tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc thực hiện tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn và bán lẻ nước sạch (gọi tắt là đơn vị cấp nước) theo quy định của Quy chế tính giá do Nhà nước ban hành và hướng dẫn tại Thông tư này...*”. Do vậy, việc xác định giá bán nước của Công ty đối với Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải là chưa đảm bảo phù hợp theo quy định pháp luật.

6.4- Giá thành sản xuất nước, kết quả tiêu thụ nước trong việc thực hiện hợp đồng mua bán giữa Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Xí nghiệp cấp nước Đông Mỹ Hải.

Trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh trong 3 năm (từ 2015 đến 2017), Đoàn thanh tra đã tính toán, xác định giá thành sản xuất nước và giá thành toàn bộ (giá vốn) để so sánh giữa giá thành sản xuất nước và giá bán nước của Công ty cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải. Kết quả như sau:

DVT: Đồng

TT	Chi phí	Giá Thành		Giá bán theo hợp đồng
		Công ty	XN Đông Mỹ Hải	
I	Năm 2015			
1	Chi phí nguyên vật liệu (621)	25.331.823.548	1.758.549.977	Giá bán theo phụ lục hợp đồng 01/2014/PLHD ngày 9/6/2014
2	Chi phí nhân công (622)	15.349.507.808	1.065.571.792	
3	Chi phí sản xuất chung (627)	23.178.777.967	1.609.084.296	
GIÁ THÀNH SẢN XUẤT (1+2+3)		63.860.109.323	4.433.206.066	
GIÁ THÀNH SX/1M³ NƯỚC		4.782	4.782	
4	Chi phí tài chính (635)	10.509.839.064	729.599.163	
5	Chi phí bán hàng (641)	5.808.365.950	403.220.155	
6	Chi phí quản lý (642)	5.329.810.029	369.998.523	
GIÁ THÀNH TOÀN BỘ (1+2+3+4+5+6)		85.508.124.367	5.936.023.906	
GIÁ THÀNH TOÀN BỘ/1M³ NƯỚC		6.403	6.403	
GIÁ BÁN (TÍNH TRÊN 5% LNĐM)			6.723	3.150
II	Năm 2016			Giá bán theo phụ lục hợp đồng 02/2015/PLHD ngày 3/2/2015
1	Chi phí nguyên vật liệu (621)	29.221.552.211	2.236.453.487	
2	Chi phí nhân công (622)	17.109.982.492	1.309.501.964	
3	Chi phí sản xuất chung (627)	24.468.469.791	1.872.679.254	
GIÁ THÀNH SẢN XUẤT (1+2+3)		70.800.004.494	5.418.634.705	

GIÁ THÀNH SX/1M³ NƯỚC		4.867	4.867
4	Chi phí tài chính (635)	9.697.751.715	742.211.450
5	Chi phí bán hàng (641)	6.586.595.437	504.101.022
6	Chi phí quản lý (642)	5.830.484.398	446.232.530
GIÁ THÀNH TOÀN BỘ (1+2+3+4+5+6)		92.914.836.044	7.111.179.707
GIÁ THÀNH TOÀN BỘ/1M³ NƯỚC		6.387	6.387
GIÁ BÁN (TÍNH TRÊN 5% LNĐM)			6.707
III	Năm 2017		
1	Chi phí nguyên vật liệu (621)	31.254.397.679	2.517.232.616
2	Chi phí nhân công (622)	17.531.441.170	1.411.984.194
3	Chi phí sản xuất chung (627)	27.094.870.575	2.182.223.847
GIÁ THÀNH SẢN XUẤT (1+2+3)		75.880.709.423	6.111.440.656
GIÁ THÀNH SX/1M³ NƯỚC		5.173	5.173
4	Chi phí tài chính (635)	8.821.773.897	710.503.415
5	Chi phí bán hàng (641)	6.887.327.482	554.706.111
6	Chi phí quản lý (642)	9.187.554.770	739.966.668
GIÁ THÀNH TOÀN BỘ (1+2+3+4+5+6)		100.777.325.572	8.116.616.851
GIÁ THÀNH TOÀN BỘ/1M³ NƯỚC		6.870	6.870
GIÁ BÁN (TÍNH TRÊN 5% LNĐM)			7.214
			2.530
			2.845

Giá bán theo phụ lục hợp đồng 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017

Qua bảng phân tích trên cho thấy: Sản lượng nước bán cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải bình quân trong 03 năm chiếm 7,58% trên tổng sản lượng của toàn Công ty, giá bán 01 m³ nước cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải trong 03 năm đều thấp hơn giá thành sản xuất và thấp hơn giá thành toàn bộ (giá vốn) thực tế phát sinh tại Công ty.

Giá trị chênh lệch giữa giá bán nước và giá thành toàn bộ qua 03 năm (2015-2017) của Công ty cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải như sau:

ĐVT: Đồng

TT	NĂM	Giá thành toàn bộ (GTTB)	Giá bán (GB)	Chênh lệch (GTTB-GB)	Sản lượng (m ³)	Giá trị chênh lệch
1	2015	6.403	3.150	3.253	927.091	3.015.687.256
2	2016	6.387	2.530	3.857	1.113.343	4.294.421.917
3	2017	6.870	2.845	4.025	1.181.379	4.755.593.596
Cộng					3.221.813	12.065.702.769

Theo giải trình của ông Phạm Hồng Châu, Giám đốc Công ty trình bày phương pháp tính toán giá nước bán cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải như sau:

Căn cứ vào chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, trên cơ sở tham mưu của Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Công ty đã xây dựng phương án giá bán nước sạch cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải theo tinh thần chỉ đạo trên. Tuy nhiên, trong quá trình thương thảo giữa hai bên, Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải không thống nhất vì cho rằng với giá bán do Công ty tính thì Xí nghiệp hoạt động sẽ lỗ và không đủ kinh phí hoạt động, đề nghị Công ty xem xét tính lại giá bán cho hợp lý như loại trừ các chi phí không liên quan tức là các chi phí được tính trong phương án giá nước và Công ty đã thu hồi được qua sản lượng, doanh thu mà Công ty cung cấp trong hệ thống của mình. Hàng năm, sản lượng thực tế Công ty thực hiện đều đạt và cao hơn sản lượng trong phương án giá thành như vậy Công ty đã có

lợi nhuận. Việc Xi nghiệp mua nguồn nước của Công ty để cung cấp cho nhân dân chỉ là một khoản chi phí, Xi nghiệp còn phải chi rất nhiều khoản chi phí cho hoạt động của Xi nghiệp tương tự như hoạt động của Công ty như: Khấu hao tài sản, lãi vay, nhân công, các loại bảo hiểm và các chi phí quản lý khác...

Qua ý kiến của Xi nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải và áp dụng nguyên tắc tính chi phí giá thành, Công ty thấy rằng chi phí sản xuất cho một sản phẩm, dịch vụ thường được chia làm 2 khoản chi phí là chi phí cố định và chi phí biến đổi. Chi phí cố định là khoản chi phí cần thiết để sản xuất ra một khối lượng sản phẩm, dịch vụ nhất định. Khi khối lượng sản phẩm, dịch vụ tăng lên thì khoản chi phí này không thay đổi. Ngược lại chi phí biến đổi cũng là khoản chi phí cần thiết nhưng thay đổi theo khối lượng sản phẩm, dịch vụ, khối lượng sản phẩm, dịch vụ càng nhiều thì chi phí càng tăng và theo tỷ lệ thuận.

Để đảm bảo việc tính giá bán nước sạch cho Xi nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải đúng tinh thần chỉ đạo của tỉnh, hài hòa lợi ích giữa hai bên, đặc biệt là tạo điều kiện để Xi nghiệp hoạt động ổn định, qua đó có điều kiện để phục vụ cấp nước cho nhân dân trong khu vực được tốt hơn, giảm những bức xúc, kiến nghị góp phần ổn định, phát triển kinh tế xã hội chung của thành phố. Hai bên thống nhất không tính vào giá bán nước sạch phần chi phí cố định đã tính trong phương án giá nước, chỉ tính phần chi phí thực tế trực tiếp liên quan đến sản lượng cung cấp Xi nghiệp bao gồm:

- Chi phí vật tư trực tiếp: Chi phí nước thô, điện năng, hóa chất và các chi phí trực tiếp khác (các khoản chi phí này được tính như trong phương án giá nước); Chi phí nhân công cho bộ phận sản xuất trực tiếp (trong phương án giá nước); Chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị (trong phương án giá nước); Chia sẻ 50% lợi nhuận; chi phí dịch vụ môi trường; thuế VAT.

- Giá nước trên chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và các nghĩa vụ khác. Xi nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước. Giá nước được điều chỉnh khi có quyết định điều chỉnh giá nước của Ủy ban nhân dân tỉnh theo tỷ lệ tăng giảm giữa giá nước cũ và giá nước mới”.

Qua thanh tra cho thấy việc hình thành giá bán giữa Công ty và Xi nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải là không đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BPTNT “Giá tiêu thụ nước sạch phải được tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất hợp lý, giá thành toàn bộ trong quá trình sản xuất, phân phối, tiêu thụ (bao gồm cả chi phí duy trì đầu nối) để các đơn vị cấp nước duy trì và phát triển trên cơ sở các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành và lợi nhuận định mức hợp lý của khối lượng nước thương phẩm do các tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc thực hiện tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn và bán lẻ nước sạch (gọi tắt là đơn vị cấp nước) theo quy định của Quy chế tính giá do Nhà nước ban hành và hướng dẫn tại Thông tư này...” việc loại bỏ các chi phí cố định (khấu hao tài sản cố định, chi phí lãi vay, tiền lương cán bộ quản lý...) cơ cấu trong giá bán là không đúng quy định hiện hành. Quá trình quyết định giá bán nước mặc dù không đạt được giá bán theo phương án đã xây dựng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến của Sở Tài chính nhưng Giám đốc Công ty tự quyết định, không báo cáo Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân

tình và không thông qua Hội đồng quản trị để xem xét thấu đáo là trái quy định. Trách nhiệm thuộc về ông Nguyễn Hồng Châu - Giám đốc Công ty. Việc mua bán nước giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải làm cho doanh thu từ năm 2015 - 2017 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận giảm 12.065.702.769 đồng.

Tuy nhiên, theo báo cáo sản xuất kinh doanh của Công ty đề trình Hội đồng quản trị thì lợi nhuận sản xuất nước sau thuế từ năm 2015 - 2017 của toàn Công ty lài 64.552.308.045 đồng. Về thực chất việc bán nước cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải dưới giá vốn với giá trị 12.065.702.769 đồng từ năm 2015 - 2017 đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng nước vì giá bán nước theo đối tượng sử dụng nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở phương án giá thành do Công ty trình và cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Quá trình xây dựng phương án giá nước, Công ty đã không đưa dữ liệu sản lượng nước đã cung cấp cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải để xây dựng phương án giá thành dẫn đến giá bán nước được phê duyệt cao hơn giá thực tế.

6.5- Trách nhiệm của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận trong việc quyết định giá bán nước và ký hợp đồng cấp nước với Giám đốc Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải.

Theo Báo cáo số 3597/BC-STC ngày 28/12/2018 của Sở Tài chính về xử lý giá nước giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận và Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải (trước đây là Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải) xác định nội dung về trình tự, thủ tục, sự phù hợp trong quyết định giá nước và trách nhiệm liên quan như sau: *“Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận và Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải đã thỏa thuận ký hợp đồng cung cấp nước từ năm 2015-2017 thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc 2 Công ty là phù hợp với quy định của Luật Dân sự. Tuy nhiên, việc Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thỏa thuận giá cung cấp nước thấp hơn giá thành là không phù hợp, gây thất thoát nguồn thu của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà nước và cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.*

Việc quyết định giá bán của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải thấp hơn giá thành khi chưa xin ý kiến của Hội đồng quản trị, trách nhiệm chính thuộc về Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận giai đoạn 2015-2017”

Ngoài ra, trong Báo cáo số 3597/BC-STC của Sở Tài chính cũng phân tích các khoản chi phí cơ bản như: Chi phí nhân công trực tiếp, Chi phí khấu hao TSCĐ, Chi phí quản lý doanh nghiệp của 2 Công ty cho thấy sự không phù hợp vì Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận phải đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch, hệ thống đường ống cấp nước từ nhà máy đến trạm tăng áp, về đến khu dân cư. Trong khi đó, Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải quản lý đường ống cấp nước từ điểm đầu nối (mua nước sạch) đến địa bàn khu dân cư tập trung nhưng chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí quản lý doanh nghiệp trên một mét khối nước của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải cao gấp 2 lần trở lên so với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, cụ thể:

DVT: đồng/m³ tiêu thụ nước

TT	Các khoản chi phí	Năm 2016	Năm 2017
----	-------------------	----------	----------

		Cty CP cấp nước Ninh Thuận	XN cấp nước Đông Mỹ Hải	Cty CP cấp nước Ninh Thuận	XN cấp nước Đông Mỹ Hải
1	CP nhân công trực tiếp	1.236	2.384	1.251	2.376
2	CP khấu hao TDCĐ	1.315	1.068	1.478	1.294
3	CP quản lý doanh nghiệp	399	1.089	622	1.628
4	CPSXKD bình quân	6.521	7.760	6.932	8.721,5
5	Giá bán bình quân	7.707	8.587	7.905	8.618
6	Kết quả kinh doanh (lãi, lỗ)	1.186	827	973	-103,5
7	Tỷ lệ nước thất thoát (%)	26,7	18,99	26,9	17,87

Qua báo cáo phân tích của Sở Tài chính cho thấy: Mặc dù Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải mua nước của Công ty với giá thấp hơn giá thành nhưng kết quả thanh tra thuế của Cục Thuế tỉnh tại Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải thì trong năm 2016 Công ty lãi trước thuế 745.539.244 đồng và năm 2017 lỗ 101.427.120 đồng.

Qua nội dung đã phân tích tại mục 6.4 thì việc Công ty bán nước cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải dưới giá vốn từ năm 2015 - 2017 đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng nước vì khi xây dựng phương án giá nước đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Công ty đã không đưa dữ liệu sản lượng nước đã cung cấp cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải để xây dựng phương án giá thành dẫn đến giá bán nước được phê duyệt cao hơn giá thực tế.

II. Việc tuân thủ quy định pháp luật đối với hoạt động đầu tư, xây dựng và mua sắm tài sản của Công ty.

1. Các công trình xây dựng do Công ty tự thực hiện.

Trong 3 năm (2015-2017) Công ty đã chỉ đạo, giao cho Đoàn thanh niên và Công đoàn cơ sở của Công ty thực hiện đầu tư xây dựng 20 công trình, tổng giá trị các công trình 2.245.812.399 đồng. Phần lớn các công trình là xây dựng, cải tạo, mở rộng hệ thống các tuyến ống nước, được đấu nối trên hệ thống tuyến ống chính đang sử dụng của Công ty đến các vùng chưa có nước sạch, chỉ số ít công trình được xây mới và tổ chức cải tạo, sơn sửa chữa, bảo dưỡng các bể lọc tại các nhà máy nước trực thuộc Công ty.

Hợp đồng thi công được ký kết giữa Giám đốc Công ty và Công đoàn, Chi đoàn cơ sở của Công ty. Phương thức thực hiện thi công: Sử dụng vật tư, vật liệu từ kho của Công ty, nhân công là do chính đoàn viên thanh niên thực hiện vào những ngày nghỉ trong tuần, được chấm công và thanh toán làm ngoài giờ. Các công trình do Chi đoàn và Công đoàn Công ty thực hiện có giá trị không lớn, quy mô công trình nhỏ, bình quân giá trị một công trình khoản 100 triệu đồng. Do bỏ qua nhiều bước về trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng nên việc đầu tư có thể thực hiện ngay và thuận lợi về thời gian.

Tuy nhiên, việc thi công các công trình do Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện chưa đảm bảo quy trình kiểm tra, giám sát về chất lượng công trình theo quy định tại các khoản 5, 6 Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về một số nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng "*Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật tư, vật liệu, cấu*

phi để di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn, sớm bàn giao mặt bằng cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1...”.

2.1.1- Trình tự, thủ tục triển khai công trình.

- **Công tác quản lý dự án:** Kiểm tra hồ sơ, tài liệu về đầu tư xây dựng cho thấy, Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận) đã chủ động thực hiện cơ bản trách nhiệm từ khi chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng theo trình tự quy định của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, cụ thể: Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, Chủ đầu tư đã tổ chức thuê tư vấn khảo sát, lập, thẩm định và trình phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng.

Quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư quyết định phân công, cử cán bộ tham gia, giám sát quá trình thực hiện của nhà thầu thi công. Kiểm tra vật liệu, cấu kiện, thiết bị của nhà thầu thi công đảm bảo đã được kiểm định, thí nghiệm tại các cơ sở được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, nhằm phục vụ cho việc thi công; trực tiếp tham gia nghiệm thu các giai đoạn thi công theo trình tự quy định của pháp luật. Công trình đảm bảo đạt tiến độ, đúng mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch.

- **Công tác lựa chọn nhà thầu:** Ngay sau khi có quyết định đầu tư của người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư lập, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu trước khi phát hành. Quá trình lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư lập tổ chuyên gia đánh giá hồ sơ đề xuất, với cán bộ tham gia đã có chứng chỉ qua đào tạo về công tác đấu thầu, công tác lựa chọn nhà thầu đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết dẫn thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Kết quả lựa chọn nhà thầu cơ bản đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và tài chính đối với các gói thầu. Cụ thể:

+ **Gói thầu số 1 và gói số 3:** Di dời, bồi thường tuyến ống cấp nước đoạn Km1525+000 đến Km1551+400 với giá trị 1.210.779.449 đồng và gói số 3 Di dời, bồi thường tuyến ống cấp nước đoạn Km1573+350 đến Km1574+500; đoạn Km1586+000 đến Km1588+500; đoạn Km1581+950 đến Km1584+550. Công ty TNHH Tư vấn XD Đại Đức là đơn vị trúng thầu, giá trúng thầu: 6.653.824.091 đồng.

+ **Gói thầu số 2:** Di dời, bồi thường tuyến ống cấp nước đoạn Km1563+000 đến Km1567+500. Công ty TNHH Hoàng Long là đơn vị trúng thầu, giá trị trúng thầu: 7.239.791.781 đồng.

- **Công tác quản lý chất lượng:** Qua kiểm tra cho thấy hồ sơ chất lượng công trình được nhà thầu thi công, chủ đầu tư lập đầy đủ, đúng trình tự đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình và Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng. Tuy nhiên, quá trình đánh giá hồ sơ năng lực của các Công ty tham gia chỉ định thầu còn những sai sót về hồ sơ năng lực được thể hiện trong nội dung Văn bản số 767/SXD-KT&VLXD ngày 22/3/2018 của Sở Xây dựng, đến thời điểm hiện tại các doanh nghiệp đã bổ sung, khắc phục các hồ sơ còn thiếu sót. Riêng Công ty TNHH Hoàng Long thiếu hợp đồng thi công gói thầu tương tự.

2.1.2- Thời điểm định giá, xác lập quyền cổ đông và trách nhiệm thanh toán giá trị công trình.

Sở Tài chính căn cứ kết quả thẩm định của Công ty Chứng khoán Ngân

kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình; Quy trình kiểm tra, giám sát thi công xây dựng, giám sát chế tạo và lắp đặt thiết bị; xác định công việc xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng cần nghiệm thu; các quy định về căn cứ nghiệm thu, thành phần tham gia nghiệm thu, biểu mẫu các biên bản nghiệm thu”; các công trình được đưa vào sử dụng nhưng không có quyết định phê duyệt quyết toán làm cơ sở quản lý tài sản Công ty. Việc triển khai đầu tư nhưng chưa có các bước khảo sát, đánh giá tính khả thi và hiệu quả của dự án là chưa phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng “Giai đoạn chuẩn bị dự án gồm các công việc: Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có); lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng để xem xét, quyết định đầu tư xây dựng và thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án”.

Kiểm tra hồ sơ các công trình cho thấy: 14/20 công trình đáp ứng yêu cầu thuộc công trình cải tạo, mở rộng và đầu tư mới nhưng Công ty chưa lập thủ tục ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định “*Các chi phí doanh nghiệp chi ra để đầu tư nâng cấp tài sản cố định được phản ánh tăng nguyên giá của tài sản cố định đó, không được hạch toán các chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ*”.

2. Các công trình đầu tư xây dựng thuê ngoài.

Trong 3 năm (2015-2017), Công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng 30 công trình, phần lớn là các công trình đầu tư xây dựng các tuyến ống nước phục vụ sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm kiểm tra, phần lớn các công trình đã được quyết toán và đưa vào sử dụng.

2.1- Dự án di dời đường ống cấp nước phục vụ dự án mở rộng Quốc lộ 1A theo hình thức BOT.

Công trình đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 11/3/2015, tổng mức đầu tư: 16.937.360.686 đồng. Mục tiêu dự án: Di dời, lắp đặt tuyến ống nước nằm dưới nền đường Quốc lộ 1A thuộc Dự án mở rộng Quốc lộ 1A nhằm cung cấp nước sạch cho các hộ dân dọc Quốc lộ. Công trình đã được khởi công từ ngày 15/4/2015 và kết thúc đưa vào sử dụng từ ngày 14/9/2015.

Nguồn kinh phí thực hiện dự án: Theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Trong đó: Tổng chi phí xây dựng: 15,104 tỷ đồng; số kinh phí đã được Chính phủ hỗ trợ 4,48 tỷ đồng.

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Văn bản số 9432/VPCP-KTTH ngày 02/11/2016; số 7157/VPCP-KTTH ngày 10/9/2015 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 2323/BTC-ĐT ngày 22/02/2017 của Bộ Tài chính về xử lý đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, nội dung yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thực hiện việc bố trí kinh phí di dời hệ thống nước sinh hoạt phục vụ giải phóng mặt bằng của Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Văn bản số 9432/VPCP-KTTH và 7157/VPCP-KTTH, cụ thể: “*Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận chỉ đạo chủ công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn bố trí kinh*”₁₉

hàng Đông Á (Công ty Đông Á) lập tháng 11/2015 tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 phê duyệt giá khởi điểm cổ phần và phương án để thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, với giá khởi điểm tổ chức thoái vốn là 12.900 đồng/cổ phần. Thời điểm định giá, Công ty Đông Á căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được xác lập vào ngày 30/6/2015, trong đó có giá trị của đường ống cũ dưới nền Quốc lộ 1A; tại thời điểm này Ủy ban nhân dân tỉnh có các văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ và các Bộ Giao thông vận tải, Tài chính đề nghị hỗ trợ địa phương kinh phí di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường Quốc lộ 1A nằm trong phạm vi thu hồi để thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1 nên trong báo cáo tài chính của Công ty chưa xác định giá trị thiệt hại do di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường Quốc lộ 1A.

Theo Báo cáo số 2304/BC-STC ngày 29/8/2018 của Sở Tài chính về việc chi trả kinh phí di dời hệ thống cấp nước phục vụ việc mở rộng Quốc lộ 1A theo hình thức BOT của Công ty cho thấy: “Việc di dời tuyến ống cũ sẽ không hiệu quả, chi phí cao do hệ thống đã cũ, lạc hậu nên theo kết quả thẩm định hồ sơ không tiến hành di dời mà lắp đặt hệ thống tuyến ống mới với số mét lắp đặt tuyến ống tương ứng là 11.307m; trong đó: 5.745m tuyến ống PVC D200+150+100 do Trung tâm thị trấn Phước Dân làm chủ đầu tư được đầu tư từ lâu (trước năm 1997) Công ty không xác định được nguyên giá, 2.452m tuyến ống do Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giao cho Công ty khai thác sử dụng, không bàn giao về hồ sơ tuyến ống, do đó Công ty không xác định được cụ thể nguyên giá, không có trong giá trị tài sản của Công ty do đó không ảnh hưởng đến giá trị tài sản trên sổ sách khi di dời. Còn lại 3.110m ống (11.307m-5.745m-2.452m) có giá trị nguyên giá 1.282.813.996 đồng, giá trị khấu hao tính đến ngày 30/06/2018 là 614.627.127 đồng và giá trị còn lại tính đến ngày 30/06/2018 là 668.186.869 đồng.

Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận đã giao dịch thành công việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận vào các ngày 20/4/2017 (mua 2.172.800 cổ phiếu với giá 13.900 đồng/cổ phiếu) và ngày 15/5/2017 (mua 1.050.200 cổ phiếu với giá 13.700 đồng/cổ phiếu). Thời điểm xác lập quyền cổ đông của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận là ngày 20/4/2017. Cũng trong năm 2017, Trung tâm lưu ký chốt danh sách chi cổ tức năm 2016, Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận được chi trả 4.834.500.000 đồng.

Như vậy, thời điểm Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận giao dịch thành công đã được hưởng quyền lợi chi cổ tức năm 2016. Hơn nữa, tại thời điểm xác định giá trị tài sản Công ty để thực hiện phương án thoái vốn (cổ phần hóa) đã tính giá trị tài sản của tuyến ống nước cũ (giá trị còn lại 668.186.869 đồng) phải di dời để thực hiện công trình mở rộng quốc lộ 1A nhưng không được di dời (do chọn phương án lắp đặt đường ống mới). Do đó, giá trị tài sản của Công ty (tài sản nhà nước) bị thiệt hại khi tuyến ống nước cũ không được di dời để thực hiện công trình di dời mở rộng Quốc lộ 1A theo hình thức BOT là 668.186.869 đồng.

Ngày 15/3/2018, Sở Tài chính có Văn bản số 590/STC-TCDN gửi Cục Tài chính doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính về việc đề nghị giải đáp thắc mắc của cổ đông tại Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, trong đó nội dung nêu trách

nhệm của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận đối với số nợ của công trình di dời đường ống cấp nước phục vụ Dự án mở rộng Quốc lộ 1A theo hình thức BOT. Ngày 15/5/2018, Cục Tài chính doanh nghiệp có Văn bản số 165/TCĐN-CSTH giải đáp thắc mắc như sau: “*Khi nhà nước chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thì Công ty TNHH TM và XD Sơn Long Thuận là cổ đông mua phần vốn nhà nước, không thay đổi pháp nhân Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (chỉ thay đổi cổ đông tại công ty cổ phần). Vì vậy, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận phải có trách nhiệm bố trí kinh phí (phần còn lại 10,642 tỷ đồng) để chi trả kinh phí di dời hệ thống cấp nước*”. Hơn nữa, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Luật DN trách nhiệm của cổ đông Công ty cổ phần “*Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp*”.

Kết quả qua thanh tra cho thấy: Tại thời điểm chuẩn bị thoái vốn Nhà nước thì ngày 11/3/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án di dời, lắp đặt tuyến ống nước nằm dưới nền đường Quốc lộ 1A. Dự án tiến hành khởi công ngày 15/4/2015, đưa vào sử dụng ngày 14/9/2015. Trong thời gian trên (tháng 11/2015) Công ty thẩm định giá xác lập giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (giá trị doanh nghiệp được xác định theo báo cáo tài chính ngày 30/6/2015). Tuy nhiên, do xác định nguồn vốn đầu tư ban đầu do Chính phủ hỗ trợ nên không đưa vào xác định giá trị thiệt hại của doanh nghiệp khi phải bỏ tuyến ống cũ để xây dựng tuyến ống mới (giảm giá trị tài sản cố định theo giá trị còn lại). Như vậy, do quá trình xác định giá trị doanh nghiệp đã không tính đến giá trị thiệt hại nên đưa vào giá trị tài sản để cổ phần hóa đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông khi mua cổ phiếu tại doanh nghiệp. Do vậy về nguyên tắc thiệt hại trên cổ đông mua cổ phần là Công ty TNHH TM và XD Sơn Long Thuận không chịu trách nhiệm mà Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận phải chịu trách nhiệm (theo báo cáo cơ quan tài chính giá trị tài sản cố định còn lại bị thiệt hại là 668.186.869 đồng). Đối với chi phí đầu tư xây dựng tuyến ống mới thay cho hệ thống cũ (bị thiệt hại), đây là chi phí đầu tư xây dựng cơ bản để sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (gồm tất cả các cổ đông), do vậy doanh nghiệp có trách nhiệm nghiệm thu, thanh toán, hạch toán tăng tài sản cố định và trích khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành.

2.2- Công trình cải tạo, nâng cấp Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Công trình Cải tạo, nâng cấp văn phòng làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được Hội đồng quản trị thông qua chủ trương tại Nghị quyết số 65/NQ-HĐQT ngày 14/7/2017. Công trình đã được Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 422/QĐ-CNNT ngày 20/10/2017, tổng mức đầu tư là 6.478.190.076 đồng, bao gồm:

Chi phí xây dựng: 4.381.937.062 đồng;

Chi phí thiết bị: 492.960.000 đồng.

Chi phí quản lý dự án : 145.449.201 đồng.

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 538.570.752 đồng.

Chi phí khác: 330.346.690 đồng.

Chi phí dự phòng: 588.926.371 đồng.

Quy mô công trình: Nhà 2 tầng cao 10,06 m; tầng 1 gồm 2 phòng làm việc (DT 32 m²), 01 nhà vệ sinh (16 m²), nhà để xe ô tô (235,2 m²); tầng 2 gồm Hội trường 150 chỗ (192 m²), nhà vệ sinh (26,4 m²), kho chứa dụng cụ (10,04 m²), hành lang cầu thang (83,2 m²).

Đơn vị thi công là liên danh Công ty TNHH XD&TM Khang Minh và Công ty TNHH Trường Thành Việt. Công trình khởi công xây dựng ngày 04/12/2017, đến thời điểm kiểm tra công trình thực hiện xong phần móng do Công ty yêu cầu tạm ngừng thi công. Giá trị tạm ứng 1.321.575.697 đồng.

Kiểm tra hồ sơ công trình cho thấy: Chủ đầu tư thực hiện cơ bản trách nhiệm đối với công trình từ khâu chuẩn bị dự án đến triển khai thực hiện dự án theo trình tự quy định của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, cụ thể: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư Chủ đầu tư đã tổ chức thuê tư vấn khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đề nghị Sở Xây dựng thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình, đảm bảo chất lượng thiết kế phù hợp quy mô, tính chất công trình. Tổ chức phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công có năng lực đáp ứng theo quy định hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh. Cũng như quyết định chỉ định thầu các gói thầu tư vấn giám sát thi công, giám sát thiết bị, cung cấp trang thiết bị, bảo hiểm công trình có năng lực phù hợp với tính chất, quy mô, đặc điểm công trình và đúng quy định về trình tự, thủ tục theo quy định Luật Đấu thầu.

Về nhu cầu sử dụng và sự cần thiết đầu tư đã được Sở Xây dựng đánh giá tại Văn bản số 810/SXD-QLXD ngày 28/3/2018 về đánh giá sự cần thiết đầu tư, quy mô đầu tư đối với hạng mục xây dựng Hội trường mới của Công ty. Nội dung văn bản đánh giá toàn diện nhu cầu sử dụng không gian làm việc và thực tế hiện trạng sử dụng của Công ty đã cho thấy sự cần thiết phải đầu tư công trình.

Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp văn phòng làm việc Công ty chưa được người đại diện phần vốn Nhà nước báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu vốn Nhà nước (Ủy ban nhân dân tỉnh) theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào đầu tư sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp dẫn đến công trình hiện nay phải dừng thi công.

2.3- Công trình Nhà máy sản xuất nước lọc tinh khiết.

Công trình Nhà máy sản xuất nước lọc tinh khiết được Hội đồng quản trị thông qua chủ trương tại Nghị quyết số 65/NQ-HĐQT ngày 14/7/2017. Công trình được Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật tại Quyết định số 415/QĐ-CNNT ngày 20/10/2017, tổng mức đầu tư là 933.943.941 đồng, bao gồm:

Chi phí xây dựng : 483.514.107 đồng.

Chi phí thiết bị : 298.239.999 đồng.

Chi phí quản lý dự án : 23.324.700 đồng.

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 53.319.070 đồng.

Chi phí khác : 31.072.545 đồng.

Chi phí dự phòng : 44.473.521 đồng.

Đơn vị thi công là DNTN Xây dựng và Thương mại Trúc Lâm. Công trình đã khởi công xây dựng từ ngày 07/11/2017, đến thời điểm hiện tại công trình đã gần hoàn thành. Giá trị đã thanh toán: 428.239.999 đồng.

Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư công trình: Kiểm tra hồ sơ công trình cho thấy Chủ đầu tư thực hiện cơ bản trách nhiệm đối với công trình từ khâu chuẩn bị dự án đến triển khai thực hiện dự án theo trình tự quy định của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Công tác lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, quyết định chỉ định thầu rút gọn đối với các gói thầu tư vấn và chỉ định thầu đối với nhà thầu thi công đáp ứng theo quy định hồ sơ yêu cầu, có năng lực phù hợp với tính chất, quy mô, đặc điểm công trình.

Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng công trình Công ty chưa tiến hành khảo sát thị trường để nắm rõ nhu cầu sử dụng loại nước tinh khiết, cũng như quy mô thực tế của hàng hóa cùng loại để xây dựng chiến lược kinh doanh, quy mô, lắp đặt công suất máy đảm bảo tính khả thi của dự án. Hơn nữa, việc đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất nước lọc tinh khiết chưa được người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu vốn nhà nước theo quy định pháp luật.

2.4- Một số công trình cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước.

Công ty thuê tư vấn quản lý dự án, các công trình có quy mô nhỏ (dưới 15 tỷ đồng) nên chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Trong quá trình đầu tư xây dựng, Công ty đã cơ bản tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (Nghị định 59) và một số quy định khác của pháp luật về xây dựng, cụ thể: Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, Công ty đã tổ chức thuê tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật cùng bản vẽ thiết kế thi công và dự toán công trình; chất lượng thiết kế đảm bảo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định khác của pháp luật có liên quan, phù hợp quy mô, tính chất công trình. Sau khi hoàn thành đầu tư, các công trình được đưa vào sử dụng đã góp phần tăng năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Đoàn thanh tra đã kiểm tra hồ sơ xây dựng của 18/30 công trình cho thấy: Công ty đã có nhiều sai sót trong việc quản lý, năng lực hồ sơ nhà thầu thi công, tư vấn và công tác thanh, quyết toán công trình. Cụ thể:

2.4.1- Công trình cấp nước thôn Lương Tri, huyện Ninh Hải.

Công trình được đầu tư theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 03/11/2015 của Hội đồng quản trị. Đây là công trình cấp bách chống hạn, do đó công tác lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo hình thức chỉ định thầu rút gọn (không lập hồ sơ yêu cầu). Tổng mức đầu tư xây dựng: 964.385.422 đồng, đơn vị thi công: Đội xây lắp thuộc Công ty. Giá trị quyết toán 509.597.029 đồng, công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 28/12/2016.

Các sai phạm trong quá trình đầu tư: Công trình chưa xin giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng “*Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này*”; Đơn vị lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật (Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng Việt Lê) chưa công bố thông tin về năng lực hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng được quy định tại khoản 3 Điều 69 Nghị định 59 “*Thông tin về năng lực hoạt động xây dựng là cơ sở để lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng*”; tổ chức tư vấn thẩm tra, giám sát thi công (Công₂₄

ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Trùng Dương Ninh Thuận) tại thời điểm thực hiện nhiệm vụ không có hồ sơ chứng minh năng lực trong lĩnh vực thẩm tra, giám sát công trình nước.

Đối với công tác thanh, quyết toán: Công ty chưa tính lại chi phí giám sát thi công công trình sau khi chi phí xây dựng đã phê duyệt quyết toán giám so với chi phí được duyệt. Chênh lệch phải truy thu đối với đơn vị tư vấn giám sát thi công 7.727.825 đồng (Công ty TNHH Tư vấn ĐTXD Trùng Dương Ninh Thuận).

2.4.2- Công trình cấp nước thôn Nho Lâm huyện Thuận Nam.

Công trình được đầu tư theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 03/11/2015 của Hội đồng quản trị. Tổng mức đầu tư xây dựng 1.220.347.731 đồng. Giá trị quyết toán: 1.202.790.203 đồng. Công trình đã bàn giao và đưa vào sử dụng từ ngày 10/12/2015. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Việt Lê.

Các sai phạm trong quá trình đầu tư: Đơn vị thi công (Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Việt Lê) chưa công bố thông tin về năng lực hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng được quy định tại khoản 3 Điều 69 Nghị định 59; Đơn vị tư vấn thẩm tra, giám sát thi công (Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Trùng Dương Ninh Thuận) tại thời điểm thực hiện nhiệm vụ không có hồ sơ chứng minh năng lực trong lĩnh vực thẩm tra, giám sát công trình nước.

Đối với công tác thanh, quyết toán: Trong quá trình lập hồ sơ thanh, quyết toán công trình Chủ đầu tư, đơn vị giám sát thi công và đơn vị thi công không loại trừ những công việc không thực hiện theo biên bản xử lý kỹ thuật. Giá trị xuất toán đối với đơn vị thi công (Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Việt Lê): 13.512.295 đồng. Cụ thể:

Công việc	Đơn vị tính	Theo Hợp đồng	Theo hồ sơ QT	KL giảm theo BBXLT	KL sau khi cắt giảm	KL chênh lệch	Giá trị giảm
Đắp đất móng Đ. ống	m ³	535.812	535.812	48.406	487.406	48.406	6.650.936
Đắp cát móng Đ. ống	m ³	223.928	213.692	11.209	212.719	0.973	278.626
Lắp đặt ống nhựa D110	m	795.1	721.6	102.2	692.9	28.7	5.901.113
Lắp đặt Cút nhựa	cái	6	4	4	2	2	614.950
Thử áp lực Ó.nhựa D110		795.1	721.6	102.2	692.9	28.7	65.424
TỔNG							13.512.295

2.4.3- Công trình Tuyến ống cấp nước dọc Quốc lộ 1A từ cầu Đạo Long 2 đến ngã ba Long Bình.

Công trình được đầu tư theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 09/12/2015 của Hội đồng quản trị. Tổng mức đầu tư xây dựng 2.740.183.169 đồng. Giá trị quyết toán: 2.527.495.428 đồng. Công trình đã bàn giao và đưa vào sử dụng từ ngày 18/01/2016. Đơn vị thi công: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Đại Đức và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Việt Lê.

Các sai phạm trong quá trình đầu tư: Chủ đầu tư chưa xin giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng; Hồ sơ chất lượng công trình, không có chứng chỉ xuất xưởng của thép, xi măng và kết quả kéo thép được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng "Tổ chức thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng và cung cấp cho bên giao thầu (bên mua sản phẩm xây dựng) các chứng chỉ, chứng nhận, các thông tin, tài liệu

có liên quan tới sản phẩm xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng, quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy định của pháp luật khác có liên quan”;

Đối với công tác thanh, quyết toán: Công ty chưa tính lại chi phí giám sát thi công công trình sau khi chi phí xây dựng đã phê duyệt quyết toán giám so với chi phí được duyệt. Chênh lệch phải truy thu 1.190.108 đồng (Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Trùng Dương Ninh Thuận).

2.4.4- Công trình cải tạo nhà máy nước Tân Sơn.

Công trình được đầu tư theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/6/2015 của Hội đồng quản trị. Tổng mức đầu tư xây dựng 10.784.042.171 đồng. Công trình được chia làm 2 giai đoạn (giai đoạn 1 thực hiện năm 2015, giai đoạn 2 thực hiện năm 2016-2017). Tại thời điểm kiểm tra, Công ty mới đầu tư hoàn thành giai đoạn 1 gồm: Hạng mục cụm xử lý nước, nhà hóa chất và nhà ăn. Dự toán thực hiện giai đoạn 1 là 7.698.120.448 đồng. Giá trị quyết toán: 7.289.849.522 đồng. Công trình đã bàn giao và đưa vào sử dụng từ ngày 01/12/2015. Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần thiết bị xử lý nước Setfil.

Các sai phạm trong quá trình đầu tư: Công trình chưa được Giám đốc Công ty phê duyệt quyết định đầu tư; Chủ đầu tư chưa xin giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng; chủ đầu tư và nhà thầu thi công (Công ty CP thiết bị xử lý nước Setfil) chưa xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Đối với công tác thanh, quyết toán: Hiện tại công trình chỉ mới thực hiện giai đoạn 1 nhưng chi phí quản lý dự án đã được Chủ đầu tư thanh toán cho cả 2 giai đoạn là 192.762.737 đồng là không phù hợp, chi phí thực tế là 143.528.313 đồng. Số tiền chênh lệch phải truy thu là 49.234.424 đồng (Công ty TNHH Tư vấn ĐTXD Trùng Dương Ninh Thuận).

2.4.5- Công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Lạc Sơn-Cà Ná.

Công trình được đầu tư theo kiến nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 71/HĐND-VP ngày 06/4/2016 về việc xem xét cử tri huyện Thuận Nam đề nghị lắp đặt hệ thống nước phục vụ thôn Lạc Sơn 1 và một số thôn khác trên địa bàn xã chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt.

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 29/9/2016 về việc thống nhất chủ trương đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước thôn Lạc Sơn-Cà Ná. Tổng mức đầu tư công trình 3.213.289.613 đồng, giá trị quyết toán công trình 3.123.603.532 đồng. Đơn vị thi công là Công ty TNHH Tư vấn TKXD Việt Lê. Công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng từ ngày 02/12/2016.

Các sai phạm trong quá trình đầu tư: Qua kiểm tra dự toán công trình cho thấy, chi phí xây dựng công trình thực tế thực hiện giảm so với chi phí xây dựng của hợp đồng với số tiền 142.956.118 đồng. Nguyên nhân giảm: Điều chỉnh khối lượng một số hạng mục công việc, đảm bảo sự phù hợp giữa dự toán và bản vẽ thiết kế công trình; điều chỉnh cự ly vận chuyển một số vật tư phù hợp theo thực tế; điều chỉnh giá một số vật tư nhằm đảm bảo phù hợp với bảng báo giá kèm theo báo

cáo thẩm tra công trình và cắt giảm một số ca máy không cần thiết như cần trục bánh hơi, palang xích, tời điện.

Đối với chi phí xây dựng và hạng mục chung theo biên bản xử lý kỹ thuật, sau khi kiểm tra Đoàn thanh tra đã tính lại giảm 5.647.259 đồng. Nguyên nhân giảm: Cắt giảm chi phí đào đất và đắp đất phát sinh; điều chỉnh cự ly vận chuyển một số vật tư phù hợp theo thực tế.

Như vậy, qua kiểm tra cho thấy tổng chi phí xây dựng thực tế giảm so với chi phí xây dựng trong hợp đồng do đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát và Chủ đầu tư khi lập hồ sơ xác nhận khối lượng thanh toán không loại trừ các chi phí đã giảm trừ, vì vậy số tiền phải thu hồi đối với đơn vị thi công 148.603.376 đồng (Công TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Việt Lê).

2.4.6- Công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tân Hội.

Công trình được đầu tư theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 24/6/2016 của Hội đồng quản trị. Tổng mức đầu tư xây dựng 737.738.354 đồng. Giá trị quyết toán: 665.848.576 đồng. Công trình đã bàn giao và đưa vào sử dụng từ ngày 09/12/2016. Đơn vị thi công: DNTN Xây dựng và Thương mại Trúc Lâm.

Các sai phạm trong quá trình đầu tư: Đơn vị lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình là Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Việt Lê trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng công bố Công ty Việt Lê không có năng lực khảo sát địa hình. Đơn vị thi công là DNTN XD và TM Trúc Lâm bố trí cán bộ kỹ thuật làm chỉ huy trưởng công trình (ông Đặng Văn Quốc) không có chứng hành nghề giám sát công trình cấp nước, do vậy không đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trình theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

2.4.7- Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Ninh Hải.

Công trình được đầu tư theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT ngày 26/4/2017 của Hội đồng quản trị. Tổng mức đầu tư xây dựng 667.404.612 đồng. Giá trị quyết toán: 641.797.954 đồng. Công trình đã bàn giao và đưa vào sử dụng từ ngày 18/7/2017. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Thiết kế XD Trường Thành Việt.

Các sai phạm trong quá trình đầu tư: Nhà thầu thi công (Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Trường Thành Việt) chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực thi công theo quy định của hồ sơ yêu cầu về kinh nghiệm thi công và bố trí nhân sự chủ chốt làm chỉ huy trưởng công trình. Đơn vị tư vấn đánh giá hồ sơ đề xuất (Công ty TNHH Tư vấn ĐTXD Trùng Dương Ninh Thuận) và đơn vị tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Việt Lê) chưa hoàn thành nhiệm vụ theo hợp đồng ký kết vì không phát hiện và đánh giá chưa chính xác năng lực của nhà thầu thi công.

2.4.8- Công trình Sửa chữa trạm giao dịch Ninh Hải.

Công trình được đầu tư theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT ngày 26/4/2017 của Hội đồng quản trị. Tổng mức đầu tư xây dựng 886.542.419 đồng. Giá trị quyết toán 815.969.517 đồng. Công trình đã bàn giao và đưa vào sử dụng từ ngày 26/6/2017. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Thiết kế XD Trường Thành Việt.

Các sai phạm trong quá trình đầu tư: Tương tự như công trình mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Ninh Hải. Nhà thầu thi công (Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Trường Thành Việt) chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực thi công theo quy định của hồ sơ yêu cầu về kinh nghiệm thi công và bố trí nhân sự chủ chốt làm

chỉ huy trường công trình.

2.4.9- Công trình Cải tạo công nghệ lắng nước và xả bùn bể lắng tại Nhà máy nước Tháp Chàm.

Công trình được Giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 113/QĐ-CNNT ngày 20/8/2015 phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Cải tạo công nghệ lắng nước và xả bùn bể lắng tại nhà máy nước Tháp Chàm, tổng mức đầu tư 13.478.314.000 đồng và được điều chỉnh tại Quyết định số 143/QĐ-CNNT ngày 4/8/2016 của Giám đốc Công ty với tổng mức đầu tư là 13.478.314.000 đồng, công trình được chia làm 3 giai đoạn đầu tư. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1: 5.596.529.228 đồng; giai đoạn 2: 2.995.695.228 đồng và giai đoạn 3: 5.347.824.416 đồng. Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra hồ sơ xây dựng giai đoạn 1 và 2 với kết quả kiểm tra như sau:

- **Giai đoạn 1:** Đơn vị được chỉ định thầu lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất là Công ty TNHH Tư vấn ĐTXD Trùng Dương Ninh Thuận; Đơn vị tư vấn được chỉ định thẩm định hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và giám sát thi công là Công ty TNHH Tư vấn TKXD Việt Lê. Nhà thầu được chỉ định thi công giai đoạn 1 là Công ty CP kỹ thuật ENVIRO, giá trúng thầu 4.876.735.462 đồng. Công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 28/01/2016.

Kiểm tra hồ sơ năng lực của nhà thầu thi công là Công ty CP kỹ thuật ENVIRO cho thấy: Trong hồ sơ đề xuất tham dự thầu của Công ty đính kèm bản sao bằng cấp của ông Đoàn Văn Tuấn là kỹ sư cấp thoát nước phụ trách kỹ thuật công nghệ, nhưng qua làm việc với đơn vị thi công xác định ông Đoàn Văn Tuấn không phải là nhân viên của Công ty Enviro, không tham gia thi công trên công trình, Công ty Enviro chỉ sử dụng bằng cấp ông Tuấn để phù hợp với yêu cầu của hồ sơ dự thầu.

Qua làm việc ông Lê An Bình - Giám đốc Công ty CP Kỹ thuật Enviro trình bày: Ông Đoàn Văn Tuấn không phải là người của Công ty. Công ty có các Kỹ sư môi trường (tương đương kỹ sư cấp thoát nước) có đủ năng lực thực hiện gói thầu, tuy nhiên để đáp ứng hồ sơ yêu cầu của Chủ đầu tư phải bố trí cán bộ có bằng kỹ sư cấp thoát nước nên Công ty đã mượn bằng cử nhân của ông Tuấn để tham gia dự thầu. Việc mượn bằng cấp của ông Đoàn Văn Tuấn để đáp ứng hồ sơ mời thầu là trái quy định pháp luật. Về nguyên tắc quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu phải xác định Công ty không đáp ứng điều kiện tiên quyết và loại khi đánh giá, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty vẫn công nhận kết quả trúng thầu. Trách nhiệm thuộc về Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Công ty CP Kỹ thuật Enviro.

Đối với công tác thanh, quyết toán công trình: Trong quá trình thi công Chủ đầu tư, Công ty ENVIRO và đơn vị tư vấn giám sát đã có một số biên bản xử lý kỹ thuật trong đó có một số công tác không thực hiện và thay thế công tác khác. Tuy nhiên, trong quá trình lập hồ sơ thanh, quyết toán đơn vị thi công, Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát không loại trừ các công tác không thực hiện do phải xử lý kỹ thuật với số tiền là 29.344.715 đồng. Cụ thể:

<i>ĐVT: Đồng</i>					
TT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bê tông làm phẳng đáy sản xuất bằng máy trộn, đổ thủ công, đá 1x2 M300	M ³	9,9	1.213.406	12.012.721

2	LD máng cáp nhôm kẽm 200x100	M	42	194.662	8.175.812
3	LD nắp máng cáp nhôm kẽm 200x100	M	40	69.408	2.776.348
4	LD ống nhựa luồn cáp, đk 34	M	654,55	9.746	6.379.833
	TỔNG				29.344.715

- **Giai đoạn 2:** Công ty TNHH TVĐT XD Trùng Dương Ninh Thuận là đơn vị được chỉ định lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất; Công ty TNHH TVTKXD Việt Lê là đơn vị tư vấn được chỉ định thẩm định hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và giám sát thi công. Nhà thầu được chỉ định thi công giai đoạn 2 là Công ty CP kỹ thuật ENVIRO, giá trúng thầu 2.735.052.000 đồng. Công trình đã hoàn bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 28/12/2016.

Đối với công tác thanh, quyết toán công trình: Tương tự giai đoạn 1 trong quá trình thi công Chủ đầu tư, Công ty ENVIRO và đơn vị tư vấn giám sát đã có một số biên bản xử lý kỹ thuật trong đó có một số công tác không thực hiện và thay thế công tác khác. Tuy nhiên, trong quá trình lập hồ sơ thanh, quyết toán đơn vị thi công, Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát không loại trừ công tác không thực hiện do phải xử lý kỹ thuật như công tác bê tông làm phẳng đáy sản xuất bằng máy trộn, đổ thủ công đá 1x2 M300 với số tiền là 33.484.582 đồng (29,7 m³ x 1.127.427 đồng).

2.5- Tình hình mua sắm tài sản, vật tư.

Việc mua sắm tài sản, vật tư là nhu cầu tất yếu của quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ để tiết kiệm chi phí, giúp Công ty có nhiều giải pháp hơn để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Tuy nhiên, việc mua sắm phải đạt được yêu cầu về chất lượng, tính năng, công dụng và thời gian sử dụng của tài sản, vật tư. Chi phí mua sắm phải tối ưu trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh và đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên 30 hồ sơ mua sắm tài sản cho thấy: Thời gian qua việc mua sắm của Công ty vẫn còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh và các quy định pháp luật. Cụ thể:

2.5.1- Ca nô lướt sóng đã qua sử dụng.

Giám đốc Công ty đã phê duyệt mua ca nô lướt sóng, với mục đích sử dụng để kiểm tra nguồn nước phục vụ cho việc lấy nước thô đầu vào của nhà máy nước tháp chàm. Giá trị tài sản: 99.000.000 đồng.

Công ty căn cứ phiếu báo giá ca nô đã qua sử dụng của 3 Công ty có địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa và chọn báo giá thấp nhất để tiến hành mua sắm. Trên cơ sở đó, Công ty TNHH Cộng Thêm Giờ có địa chỉ 72C Trần Quốc Toàn, thành phố Hồ Chí Minh có giá thấp nhất và được chọn cung cấp với giá 99.000.000 đồng.

Việc tổ chức mua sắm chỉ căn cứ vào phiếu báo giá, không áp dụng quy trình chỉ định thầu thông thường như: Lập hồ sơ yêu cầu để nêu rõ sự cần thiết phải đầu tư, chi tiết cụ thể các thông số kỹ thuật và một số thông tin về đặc tính tài sản cần mua sắm, cũng như nắm rõ kinh nghiệm, năng lực nhà thầu cung cấp... là chưa đúng với Điều 55 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Hơn nữa, trong hợp đồng mua sắm không nêu rõ các thông tin như: Số khung,

số máy, thời hạn sử dụng, chế độ bảo hành... của tài sản; không có biên bản nghiệm thu chạy thử; không lập hội đồng hoặc thuê tư vấn thẩm định giá trị còn lại của tài sản. Kiểm tra chứng từ liên quan đến vận hành ca nô cho thấy trong 2 năm qua Công ty chưa sử dụng canô, điều đó cho thấy việc mua sắm tài sản chưa hiệu quả.

2.5.2- Máy server IBM X650M4.

Việc mua máy server IBM X650M4 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt tổ chức mua sắm, giá máy: 144.800.000 đồng.

Với hình thức mua sắm như trên, Công ty căn cứ vào 3 phiếu báo giá của 3 Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa và Ninh Thuận. Công ty TNHH Tin học Công thành, Ninh Thuận có báo giá thấp nhất và được Công ty chọn là nhà cung cấp với giá trúng thầu 144.800.000 đồng.

Việc mua sắm tài sản có giá trị trên 100 triệu đồng, thuộc loại hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa nhưng Công ty không áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh trong công tác mua sắm là không tuân thủ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu "Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với gói thầu có giá trị trong hạn mức theo quy định của Chính phủ và thuộc một trong các trường hợp sau đây: Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng" và Khoản 2 Điều 57 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

2.5.3- Máy chủ server hiệu Dell; Máy Photo hiệu minolta; Máy server và phần mềm diệt vi rus; Giải pháp phần mềm quản lý nhân sự và Hệ thống GIS quản lý mạng cấp nước Ninh Thuận.

Máy server hiệu Dell giá: 121.310.000 đồng

Máy Photo hiệu minolta: 102.600.000 đồng

Máy server và phần mềm diệt vi rus: 176.055.000 đồng

Giải pháp phần mềm quản lý nhân sự: 372.060.000 đồng

Hệ thống GIS quản lý mạng cấp nước Ninh Thuận: 163.020.000 đồng.

Tương tự như mua máy server IBM X650M4 ở mục 2.5.2, khi triển khai mua sắm các hạng mục trên Công ty cũng chỉ căn cứ vào 3 phiếu báo giá để mua sắm, không áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh là không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu và khoản 2 Điều 57 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

2.5.4- Mua sắm vật tư.

Đối với lĩnh vực lắp đặt hệ thống ống nước để cung cấp nước sạch bán cho tổ chức và cá nhân sử dụng nước trên địa bàn tỉnh là lĩnh vực quan trọng đối với doanh nghiệp sản xuất nước sạch. Trong đó, chi phí về vật tư gồm ống nước và đồng hồ đo lưu lượng bình quân chiếm trên 53% tổng chi phí lắp đặt. Do vậy, việc đầu tư hệ thống ống nước phải chú trọng đến việc nâng cao chất lượng hàng hóa và tiết giảm chi phí để nâng cao tính năng, thời gian sử dụng và tăng doanh thu lắp đặt.

Kiểm tra hồ sơ mua bán vật tư về ống nước, đồng hồ đo lưu lượng trong thời gian qua (2015-2017) tại Công ty cho thấy: Ban Giám đốc Công ty chưa làm tròn trách nhiệm đối với công tác mua vật tư, thiết bị lắp đặt hệ thống nước. Cụ thể số liệu mua vật tư trong 3 năm:

TT	Tên hàng hóa	TỔNG	Chi tiết theo các năm		
			2015	2016	2017
1	Ông nước	5.905.713.033	2.653.212.078	1.864.611.837	1.387.889.118
2	Đồng hồ đo lưu lượng	10.825.239.645	3.012.217.450	4.327.127.090	3.485.895.105
	TỔNG CỘNG	16.730.952.678	5.665.429.528	6.191.738.927	4.873.784.223

Công ty từ năm 2015 đến tháng 4/2017 sở hữu vốn nhà nước trên 94% và từ tháng 4/2017 đến nay, vốn Nhà nước sở hữu 52,06%. Việc mua sắm vật tư, hàng hóa đối với Công ty thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp được quy định tại khoản đ điểm 1 Điều 1 Luật Đấu thầu “*Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp đối với: Mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công*”. Tuy nhiên, việc mua sắm vật tư được Công ty tổ chức mua sắm theo phương pháp thông thường, chỉ căn cứ vào 3 phiếu báo giá của các Công ty, không tổ chức đấu thầu đối với công tác mua sắm vật tư với giá trị bình quân trên 200 triệu đồng/lần mua sắm.

Hơn nữa, ông nước và đồng hồ đo lưu lượng thuộc hàng hóa có sẵn trên thị trường, hiện có rất nhiều nhà sản xuất và phân phối trong nước cung cấp, giá cả và chất lượng hàng hóa rất cạnh tranh. Do đó, việc tổ chức mua sắm chỉ căn cứ vào phiếu báo giá, không áp dụng quy trình chào hàng cạnh tranh là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu “*Chào hàng cạnh tranh theo quy trình rút gọn áp dụng đối với gói thầu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng, gói thầu quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu có giá trị không quá 01 tỷ đồng, gói thầu đối với mua sắm thường xuyên có giá trị không quá 200 triệu đồng*”.

Quá trình mua sắm, Ban Giám đốc giao cho 01 cán bộ (Phó Trưởng Phòng kỹ thuật) phụ trách vật tư chịu trách nhiệm nên không thể bao quát quản lý được đặc tính kỹ thuật và chất lượng vật tư (phụ thuộc hoàn toàn vào đơn vị sản xuất và phân phối), không kiểm soát được tình hình mua sắm, cụ thể: Đối với ông nước, Công ty chỉ mua duy nhất 01 đơn vị cung cấp như: Năm 2015 và năm 2016 chỉ mua của Công ty TNHH Thuận Thảo (chỉ là đơn vị phân phối ở Ninh Thuận), năm 2017 mua của Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai (đơn vị sản xuất); đối với đồng hồ đo lưu lượng có giá trị trên 100 triệu/1 lần mua phần lớn mua của Công ty CP HaWACo Miền Nam, Công ty liên doanh TNHH đồng hồ nước Zenner-Coma và Công ty TNHH UHM Việt Nam. Các bảng báo giá của các Công ty chào giá trong quá trình lựa chọn đơn vị cung cấp chỉ là các bảng báo giá photo không có hiệu lực (ngoại trừ đơn vị được chọn là nhà cung cấp).

Đối với chính sách chiết khấu giá: Là yếu tố quan trọng để so sánh lựa chọn đơn vị cung cấp, tiết giảm chi phí và kiểm soát chất lượng hàng hóa cùng loại. Thực tế, phần lớn trên các hợp đồng kinh tế có thể hiện yếu tố chiết khấu thương mại được hưởng nhưng do không quy định cụ thể giá trị được hưởng nên không mang tính ràng buộc, cũng như kiểm soát được giá trị thực tế của giao dịch đối với hợp đồng kinh tế.

III. Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

TT	Các chỉ tiêu	Chi tiết		
		2015	2016	2017
I	Chỉ số nước ghi thu	14.281.790 m3	15.660.308 m3	15.849.586 m3
II	Chỉ tiêu Bảng kết quả hoạt động kinh doanh			
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	114.901.158.548	125.022.578.927	129.628.321.912
2	Giá vốn hàng bán	72.200.734.867	80.031.889.754	85.810.878.900
3	Doanh thu hoạt động tài chính	8.866.954.673	7.465.861.822	6.913.378.908
4	Chi phí tài chính	11.705.921.984	10.815.058.821	9.863.372.175
5	Chi phí bán hàng	6.223.434.177	7.098.391.415	7.453.101.853
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.898.294.152	6.465.835.403	10.201.505.561
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	27.739.728.041	28.077.265.356	23.212.842.331
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.458.908.253	27.977.436.305	23.336.619.296
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.100.133.876	5.665.554.913	2.454.967.020
10	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.358.774.377	22.311.881.392	20.881.652.276
11	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.457	2.034	1.802
III	Chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán			
12	Tổng Tài sản	392.214.335.842	374.729.570.556	361.851.621.459
	Tài sản ngắn hạn	168.210.527.122	152.414.394.196	141.133.738.035
	Tiền và các khoản tương đương tiền	8.824.079.308	14.189.146.951	18.164.075.689
	Tài sản cố định	213.557.326.915	214.714.587.628	211.552.122.499
13	Nợ phải trả	279.486.547.885	256.491.880.201	230.965.485.391
	Nợ ngắn hạn	50.790.778.127	46.348.429.923	47.060.543.163
14	Vốn Chủ Sở hữu	112.727.787.957	118.237.690.355	130.886.136.068
IV	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn			
	Hệ số thanh toán nhanh	0,17	0,31	0,39
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,31	3,29	3,00
V	Hiệu quả sử dụng tài sản			
	Số vòng quay Tổng tài sản (DT thuần/Tổng TS)	0,29	0,33	0,36
	Tỷ suất lợi nhuận/Tài sản (ROA)%	5,45%	5,95%	5,77%
VI	Hiệu quả sử dụng vốn			
	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ Sở hữu (ROE)%	18,95%	18,87%	15,95%
	Doanh thu thuần/vốn chủ sở hữu	1,02	1,06	0,99
VII	Hiệu quả sử dụng chi phí			
	Lợi nhuận thuần từ HĐKD/giá vốn hàng bán	0,38	0,35	0,27
	Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Chi phí bán hàng	4,46	3,96	3,11
	Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Chi phí QLDN	4,70	4,34	2,28
VIII	Hiệu quả hoạt động kinh doanh			
	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu thuần (ROS)%	18,59%	27,88%	24,33%

Kết quả kinh doanh qua 3 năm (2015-2017) cho thấy các chỉ số tài chính có mức tăng trưởng đều qua các năm. Riêng năm 2017 có sự giảm nhẹ ở một vài chỉ số. Nguyên nhân:

Doanh thu thuần tăng đều qua các năm do Công ty đầu tư các công trình nước đã phát huy được năng lực sản xuất, công suất tăng góp phần tăng giá trị ghi thu nước năm sau luôn cao hơn năm trước. Tuy mức doanh thu thuần tăng trưởng nhưng tổng lợi nhuận trước thuế lại giảm nhiều trong năm 2017 do tổng chi phí tăng trong năm 2017, đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp tăng đột biến trong năm 2017 là 57,78% so với mức tăng năm 2016, một phần do tăng tài sản cố định mua sắm cho hoạt động quản lý trong năm 2017 nhiều hơn so với 2 năm trước đó (tăng chi phí khấu hao TSCĐ). Điều đó là nguyên nhân tạo ra mức lợi nhuận của năm 2017 chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty tăng qua các năm, điều đó cho thấy khả năng thanh khoản của Công ty đối với các khoản nợ ngắn hạn được đảm bảo. Hệ số hiệu quả sử dụng tài sản có tăng trưởng qua các năm nhưng mức tăng không lớn và hệ số quay vòng tài sản tương đối nhỏ chứng tỏ việc sử

dụng tài sản chưa hiệu quả. Do đó, Công ty cần phát huy hiệu quả sử dụng tài sản bằng cách nỗ lực gia tăng doanh thu sản xuất nước và tăng số hộ dùng nước. Trong đó chú ý thường xuyên bảo trì, cải tạo để phát huy hiệu quả tính năng các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng tốt.

Đối với Hệ số sử dụng vốn là chỉ số đo lường khả năng sinh lợi của việc sử dụng vốn cố định của Công ty. Chỉ số ROE có mức tăng trưởng bình quân tương đối qua các năm (17,92%), tăng nhiều so với chỉ số ROA bình quân (5,72%), điều đó chứng tỏ Công ty sử dụng hiệu quả vốn cố định đóng góp, đặc biệt từ năm 2017 trở về sau Công ty nên chú trọng sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính (sử dụng vốn góp, vốn vay...) để gia tăng lợi nhuận.

Hệ số sử dụng chi phí của Công ty trong thời gian qua cho thấy: Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh trên chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng có mức tăng trưởng cao (2,3-4,7), tuy nhiên do giá thành sản xuất còn cao nên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh thu được trên giá vốn hàng bán còn ở mức rất thấp (bình quân 0,3). Công ty nên chú trọng tiết giảm các chi phí vật tư, vật liệu đầu tư cho các công trình, mua sắm tài sản cần phải tiết kiệm, nâng cao hiệu quả trong đầu tư mua sắm và xây dựng công trình nước.

Chỉ số lợi nhuận trên doanh thu thuần (ROS) qua 3 năm cho thấy, với mức tăng tương đối (18-27%), đã phản ánh đúng thực tế quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể năm 2016 mức tăng lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng (27,88%) so với mức tăng năm 2015 (18,59%) và giảm nhẹ trong năm 2017 (24,33%) do phải trang trải nhiều chi phí trong đầu tư. Nhìn chung hiệu quả đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty qua 3 năm là tích cực.

Phần III

KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

I. Kết luận.

1. Ưu điểm.

Được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành có liên quan trong tỉnh cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực vượt khó của tập thể cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận. Qua 03 năm (2015-2017) hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả tích cực như: Mức tăng doanh thu đều qua các năm, các chỉ số tài chính tăng trưởng ở mức ổn định, tính thanh khoản cao, hiệu quả sản xuất kinh doanh được đảm bảo, vốn nhà nước được bảo toàn, góp phần vào mức tăng trưởng chung của Công ty.

Quá trình đầu tư xây dựng thời gian qua, bước đầu mang lại hiệu quả, công tác mua sắm tài sản đã góp phần tăng đáng kể chu trình sản xuất kinh doanh, nâng cao tính tự động hóa ở các khâu quan trọng của quá trình sản xuất, đã tiết giảm đáng kể chi phí vận hành.

2. Tồn tại - hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, thời gian qua trong quá trình hoạt động Công ty vẫn còn một số tồn tại, khuyết điểm, sai phạm cần chấn chỉnh, khắc phục, xử lý, cụ thể:

2.1- Việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty chưa chấp hành nghiêm quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

- Tổ chức Đại hội cổ đông năm 2015, 2016 và 2017 khi chưa có ý kiến của Chủ sở hữu vốn nhà nước (Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Không báo cáo định kỳ hàng quý, năm cho cơ quan Chủ sở hữu vốn nhà nước (Ủy ban nhân dân tỉnh) về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính theo quy định.

- Việc ban hành Điều lệ Công ty vẫn còn thiếu, sai sót nhiều nội dung quan trọng theo quy định của Luật DN năm 2015: Thiếu một số điều, khoản theo quy định tại các điểm g, i Điều 25, Điều 125, Điều 129, Điều 131, Điều 132; khoản 2 Điều 163; tham chiếu điều, khoản chưa phù hợp tại tiết a điểm 3 Điều 14 và khoản 1 Điều 33 của Điều lệ Công ty; bãi bỏ khoản 1 Điều 32 của Điều lệ quy định Trường Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách đối với Công ty Cổ phần.

- Bầu và bổ nhiệm Trường Ban Kiểm soát không đúng quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp.

- Không thực hiện đúng một số nội dung của Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp như không báo cáo xin ý kiến Chủ sở hữu vốn nhà nước (Ủy ban nhân dân tỉnh) trong kế hoạch đầu tư phát triển, cụ thể: đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Văn phòng Công ty dẫn đến công trình hiện nay phải dừng thi công.

- Thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, giám sát công việc của Giám đốc và các Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực và người quản lý khác trong Công ty theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2015.

2.2- Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Giám đốc, các Phòng ban liên quan trong việc điều hành, quản lý Công ty.

Giám đốc còn buông lỏng trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý dẫn đến Công ty còn nhiều tồn tại, sai phạm. Cụ thể:

2.2.1- Quản lý sử dụng tài sản cố định.

Chưa ban hành quy chế quản lý tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ và quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

2.2.2- Công tác quản lý đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị, vật tư.

- Đối với việc xây dựng do Công ty tự thực hiện.

Việc thi công các công trình do Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện không tuân thủ quy định tại các khoản 5, 6 Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; các công trình đã đưa vào sử dụng nhưng không có quyết định phê duyệt quyết toán.

Không lập thủ tục ghi tăng nguyên giá tài sản cố định đối với 14 công trình do Công đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Đối với các công trình đầu tư xây dựng thuê ngoài.

Việc triển khai đầu tư xây dựng công trình Công ty đã vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng (5 công trình); chưa phê duyệt quyết định đầu tư công trình (1 công trình); lựa chọn nhà thầu thi công chưa đáp ứng hồ sơ yêu cầu (2 công trình); Lựa chọn nhà thầu chưa công bố năng lực trên trang thông tin điện tử Sở Xây dựng (5 công trình) được quy định tại khoản 3 Điều 69 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; lựa chọn nhà thầu tư vấn chưa có hồ sơ chứng minh năng lực (2 công trình); chưa xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng (1 công trình); không có chứng chỉ xuất xưởng của thép, xi măng và kết quả kéo thép được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ (1 công trình); bố trí cán bộ không đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trình theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP (1 công trình); Bố trí cán bộ kỹ thuật không đúng hồ sơ tham dự thầu (1 công trình) và lập hồ sơ thanh toán sai quy định với tổng số tiền 283.097.325 đồng (6 công trình).

Giám đốc Công ty chưa thực hiện đúng Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước khi tham mưu Hội đồng quản trị ra Nghị quyết, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty Cổ phần cấp nước Ninh thuận không báo cáo Chủ sở hữu vốn Nhà nước dẫn đến công trình phải dừng thi công cho thấy việc đầu tư thiếu hiệu quả.

- Đối với công tác mua sắm tài sản, vật tư.

Việc mua sắm tài sản chưa tuân thủ quy định về đấu thầu được quy định tại Điều 55, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu và hợp đồng mua sắm ca nô không có thông tin chi tiết về tài sản, không có biên bản nghiệm thu chạy thử, không lập hội đồng hoặc thuê tư vấn thẩm định giá trị còn lại của tài sản, chưa vận hành sử dụng canô, điều đó cho thấy việc mua sắm tài sản chưa hiệu quả.

Thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý đối với việc mua sắm vật tư ông nước và đồng hồ đo lưu lượng, không tổ chức đấu thầu trong mua sắm vật tư đã vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 1 Luật Đấu thầu và khoản 2 Điều 57 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

2.2.3- Thực hiện nghĩa vụ Nhà nước.

- Đối với thuế thu nhập cá nhân: Kê khai thiếu thuế thu nhập cá nhân của 21 cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính. Số tiền phải truy thu 15.875.209 đồng.

- Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chưa thực hiện đúng quy định về kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính; khoản 1 Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ; điểm 2.31 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải truy nộp là 1.008.436.649 đồng, trong đó: Áp dụng thuế suất ưu đãi năm 2017 sai quy định phải truy nộp là 663.266.574 đồng và thuế TNDN phải truy thu do không hạch toán ghi tăng nguyên giá tài sản cố định, giảm chi phí sản xuất kinh doanh là 345.170.045 đồng.

Chưa kịp thời điều chỉnh, bổ sung vào sổ sách kết toán đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp năm 2016.

2.2.4- Công tác hạch toán, xác định giá thành sản xuất và giá bán nước.

Chưa tổ chức kế toán, hạch toán chuyên biệt về giá thành sản xuất nước phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp đối với Công ty.

Việc xác định giá bán nước đối với Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải không đúng quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; không thực hiện báo cáo việc xác định giá bán nước cho cơ quan quản lý nhà nước và Hội đồng quản trị.

Việc xây dựng phương án giá thành không đưa dữ liệu sản lượng nước đã cung cấp cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải dẫn đến làm sai lệch giá thành nước kế hoạch để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, dẫn đến giá bán nước được phê duyệt cao hơn giá thực tế gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng nước.

2.2.5- Công tác hạch toán kế toán, sổ kế toán và quản lý hồ sơ, chứng từ.

Chưa mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi một số tài khoản thường xuyên phát sinh: Sổ theo dõi nợ phải thu, phải trả; tài sản cố định; vật tư, vật phẩm, hàng hóa; các khoản trích trước và chi phí trả trước dài hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Luật Kế toán.

2.3- Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát chưa thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm liên quan đến giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty được quy định tại các Điều 165, 166 Luật Doanh nghiệp năm 2015 và Điều 33 của Điều lệ Công ty như: Chưa thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất để thảo luận các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty là cơ sở đưa ra các cảnh báo, đề xuất và kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện điều chỉnh, sửa đổi và có giải pháp phù hợp đối với hoạt động của đơn vị. Do chưa thường xuyên giám sát toàn diện dẫn đến không phát hiện các sai phạm, đặc biệt là quản lý đầu tư xây dựng, mua sắm và công tác tài chính.

3. Nguyên nhân - trách nhiệm.

3.1- Đối với Sở Tài chính.

Trong 3 năm từ năm 2015 đến năm 2017, Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận. Tuy nhiên, báo cáo kết quả giám sát chưa đánh giá đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ. Trong đó nội dung báo cáo chưa đánh giá đầy đủ quá trình đầu tư vốn, tài sản, tiến độ thực hiện các dự án. Sai phạm thuộc lỗi chủ quan của lãnh đạo Sở Tài chính.

Quá trình thẩm định phương án giá thành không phát hiện thiếu dữ liệu sản lượng nước cung cấp cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải dẫn đến tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá bán nước cao hơn giá thực tế gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng nước.

Trách nhiệm thuộc về lãnh đạo Sở phụ trách quản lý doanh nghiệp.

3.2- Đối với ông Nguyễn Hoàng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Là người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty và là Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng chưa hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Không báo cáo định kỳ và xin ý kiến chủ sở hữu vốn được quy định tại các khoản 1, 3 Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014. Do không có ý kiến Chủ sở hữu vốn nên việc tổ chức thông qua Nghị quyết về đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Văn phòng Công ty không hiệu quả dẫn đến công trình phải dừng thi công.

- Không chỉ đạo điều hành và triệu tập đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp để nghe, thảo luận công khai kế hoạch sản xuất, phương án đầu tư kinh doanh của Công ty nên Giám đốc Công ty quyết định giá bán nước cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải không đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012.

- Không thực hiện tốt nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát công việc của Giám đốc và các Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực và người quản lý khác được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2015 nên chưa phát hiện kịp thời để chấn chỉnh các sai phạm thuộc trách nhiệm của Giám đốc về đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, vật tư và quản lý tài chính.

3.3- Đối với ông Phạm Hồng Châu - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

Là người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty, giữ chức thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã thiếu trách nhiệm, buông lỏng công tác quản lý tại Công ty, cụ thể:

- Không có ý kiến đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị về công tác báo cáo và xin ý kiến của Chủ sở hữu vốn được quy định tại các khoản 1, 3 Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014.

- Không có ý kiến để triệu tập đầy đủ cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp để trình bày các kế hoạch sản xuất, phương án đầu tư kinh doanh của Công ty nên xảy ra sai phạm trong việc quyết định giá bán nước cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải không đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 (bán dưới giá vốn trong 03 năm với giá trị 12.065.702.769 đồng).

- Quyết định giá bán nước và thỏa thuận hợp đồng với Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải với giá thấp hơn giá thành; đồng thời, xây dựng phương án giá thành không đưa dữ liệu sản lượng nước đã cung cấp cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải dẫn đến giá bán nước được phê duyệt cao hơn giá thực tế gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng nước.

- Không kịp thời cập nhập, điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung các sai sót của Điều lệ Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2015; Chưa chỉ đạo Phòng Kế toán thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Luật Kế toán và các quy định về kê khai thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính; khoản 2, 3 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP; khoản 2 Điều 18,

khoản 7 Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT-BTC; điểm 2.31 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Tổng số tiền thuế phải truy thu là 1.024.311.858 đồng.

- Chưa kịp thời chỉ đạo phòng chuyên môn tham mưu ban hành Quy chế quản lý tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Tham mưu Hội đồng quản trị ra Nghị quyết và phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty khi chưa có ý kiến của Chủ sở hữu vốn Nhà nước (Ủy ban nhân dân tỉnh) dẫn đến đầu tư thiếu hiệu quả do công trình phải dừng thi công.

- Trong công tác đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, vật tư để xảy ra các sai phạm được nêu tại mục 2.2.2 phần III. Tổng số tiền sai phạm phải thu hồi 283.097.325 đồng.

3.4- Đối với ông Nguyễn Văn Minh - Thành viên Hội đồng quản trị.

Là người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty, giữ chức thành viên Hội đồng quản trị chưa hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Không có ý kiến đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị về công tác báo cáo và xin ý kiến của Chủ sở hữu vốn được quy định tại các khoản 1, 3 Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014.

- Việc không có ý kiến đề triệu tập đầy đủ cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2015 để nghe, thảo luận công khai các kế hoạch sản xuất, phương án kinh doanh của Công ty nên để Giám đốc Công ty quyết định giá bán nước cho Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải không đúng quy định.

- Thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, giám sát công việc của Giám đốc và các Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực và người quản lý khác được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2015 nên chưa phát hiện kịp thời để chấn chỉnh các sai phạm thuộc trách nhiệm của Giám đốc về đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, vật tư và quản lý tài chính.

3.5- Đối với tập thể Hội đồng quản trị.

- **Nguyên nhân khách quan:** Do 2/3 thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ không chuyên trách tại Công ty nên không chủ động trong việc điều hành công việc hàng ngày tại Công ty.

- **Nguyên nhân chủ quan:** Hội đồng quản trị giai đoạn (2013-2018) chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao trong công tác báo cáo định kỳ và xin ý kiến Chủ sở hữu vốn được quy định tại các khoản 1, 3 Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014. Việc chưa có ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu vốn đã tác động lớn đến việc ra quyết định của Hội đồng quản trị trong điều hành sản xuất kinh doanh, phê duyệt chủ trương đầu tư, cũng như ảnh hưởng đến cơ cấu đầu tư, mua sắm hàng năm của Công ty, đó là nguyên nhân gây ra các sai phạm trong quá trình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và mua sắm của Công ty trong thời gian qua.

Thiếu kiểm tra, giám sát phát hiện các sai sót về việc phê duyệt, ban hành Điều lệ Công ty; bầu và bổ nhiệm Trưởng Ban-Kiểm soát không đúng quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp năm 2015.

Trong quá trình quản lý, Hội đồng quản trị chưa làm tròn trách nhiệm trong việc chỉ đạo, giám sát công việc của Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát nên chưa kịp thời phát hiện, chỉ đạo chấn chỉnh các sai phạm liên quan đến nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và trách nhiệm của Ban Giám đốc trong công tác quản lý tài chính và hoạt động động đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản.

3.6- Đối với Trưởng Ban Kiểm soát.

- Nguyên nhân khách quan: Do Ban Kiểm soát được thành lập chưa phù hợp quy định pháp luật, các thành viên Ban Kiểm soát chỉ thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm nên không tập trung chuyên sâu nhiệm vụ kiểm soát, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành.

- Nguyên nhân chủ quan: Trưởng Ban Kiểm soát chưa thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm được giao như: chưa thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất theo quy định; không tổ chức giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty; không kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, không kịp thời phát hiện các sai phạm trong hoạt động quản lý tài chính, đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, vật tư của Công ty.

3.7- Đối với Trưởng Phòng Kỹ thuật - Phó Giám đốc Công ty.

Ông Nguyễn Đức Cảm là Phó Giám đốc Công ty kiêm Trưởng Phòng Kỹ thuật thực hiện trách nhiệm tham mưu Giám đốc về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ về công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, vật tư nhưng đã buông lỏng công tác quản lý để xảy ra các sai phạm đã nêu tại mục 2.2.2 phần III.

3.8- Đối với Kế toán trưởng Công ty.

Bà Nguyễn Thị Thu Hòa là Kế toán trưởng Công ty chưa hoàn thành nhiệm vụ trong công tác tham mưu về tài chính, thiếu thận trọng trong tính toán, thống kê để xảy ra các sai phạm như:

- Việc kê khai, hạch toán chưa đúng, đủ số thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp đã nêu tại mục 2.2.3 Phần III.

- Công tác tổ chức kế toán, hạch toán xác định giá chưa thực hiện đúng quy định như đã nêu tại mục 2.2.4 Phần III.

3.9- Đối với các đơn vị thi công, tư vấn.

- Công ty TNHH TVXD Việt Lê chưa đăng ký năng lực hoạt động xây dựng theo quy định trên trang thông tin điện tử Sở Xây dựng; chưa hoàn thành nhiệm vụ đối với công tác thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tại công trình mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Ninh Hải. Lập hồ sơ thanh toán sai quy định đối với công trình cấp nước thôn Nho Lâm, huyện Thuận Nam và công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Lạc Sơn-Cà Ná. Tổng số tiền sai phạm là 162.115.671 đồng.

- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Trùng Dương Ninh Thuận chưa có

năng lực trong lĩnh vực thẩm tra, giám sát công trình nước; chưa hoàn thành nhiệm vụ đối với công tác đánh giá hồ sơ đề xuất lựa chọn nhà thầu thi công tại công trình mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Ninh Hải; lập hồ sơ thanh toán sai quy định tại 3 công trình Tuyến ống cấp nước dọc Quốc lộ 1A từ cầu Đạo Long 2 đến ngã ba Long Bình, cải tạo nhà máy nước Tân Sơn và cấp nước thôn Lương Tri, huyện Ninh Hải. Tổng số tiền thanh toán sai là 58.152.357 đồng.

- Công ty CP Thiết bị xử lý nước Setfil chưa chấp hành quy định pháp luật về công tác quản lý chất lượng công trình (không xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát thi công xây dựng tại công trình Cải tạo nhà máy nước Tân Sơn).

- Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Trường Thành Việt chưa chấp hành quy định pháp luật về yêu cầu năng lực thi công tại 2 công trình mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Ninh Hải và Công trình sửa chữa trạm giao dịch Ninh Hải.

- Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng và Thương mại Trúc Lâm sai phạm trong việc bố trí cán bộ làm chỉ trưởng công trình chưa đủ năng lực tại công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tân Hội.

- Công ty CP kỹ thuật ENVIRO sai phạm về hồ sơ năng lực đấu thầu trong việc bố trí cán bộ phụ trách kỹ thuật tại giai đoạn 1 công trình Cải tạo công nghệ lắng nước và xả bùn bể lắng tại Nhà máy nước Tháp Chàm. Lập hồ sơ thanh toán sai quy định tại 2 giai đoạn của công trình, tổng số tiền thanh toán sai là 62.829.297 đồng.

Trách nhiệm để xảy ra các sai phạm thuộc về lỗi chủ quan của các đơn vị tư vấn, thi công.

II. Kiến nghị - Biện pháp xử lý.

1. Đối với Sở Tài chính.

1.1- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2015 và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014; báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh **trong tháng 7/2019.**

1.2- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu người đại diện vốn nhà nước báo cáo bổ sung nội dung giám sát đối với hoạt động đầu tư vốn, tài sản và tiến độ thực hiện các dự án, giải ngân kinh phí theo quy định của Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ, hoàn thành **trong tháng 6/2019.**

1.3- Tăng cường công tác giám sát tài chính đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đảm bảo đầy đủ nội dung, phương thức giám sát thực hiện theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

1.4- Báo cáo định kỳ kết quả giám sát tài chính cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

1.5- Hướng dẫn Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận lập thủ tục giảm trừ số cổ tức phải nộp Ngân sách Nhà nước cho phần vốn nhà nước tại Công ty tương ứng giá trị tài sản bị thiệt hại của hệ thống nước không di dời để phục vụ việc thi công Dự án mở rộng Quốc lộ 1A là 668.186.869 đồng; báo cáo kết quả cho Ủy ban

nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh **trong tháng 6/2019**.

1.6- Khẩn trương rà soát các loại chi phí cơ cấu trong giá nước mới (theo thỏa thuận, thương lượng thống nhất giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải), cơ sở tính toán, lợi ích của 2 doanh nghiệp, cơ sở pháp lý đảm bảo thuyết phục để chủ trì hiệp thương giá bán nước sinh hoạt với 2 công ty, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh **trong tháng 6/2019** (theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại mục 3 Thông báo số 145/TB-V PUB ngày 17/5/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Đối với Sở Nội vụ.

Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với từng cá nhân Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty giai đoạn (2015-2017) theo thẩm quyền, mức độ, tính chất, hành vi sai phạm của từng cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo Kết luận thanh tra đã nêu theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh **trong tháng 7/2019**.

3. Đối với Cục Thuế tỉnh.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách pháp luật về thuế trên địa bàn tỉnh.

4. Đối với Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

4.1- Trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với từng cá nhân thành viên Hội đồng liên quan đến nhiệm vụ quản lý được giao trong giai đoạn 2015-2017; báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh và Sở Nội vụ **trước ngày 16/7/2019**.

4.2- Chỉ đạo Giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị của Đoàn thanh tra đối với các sai phạm, thiếu sót của Công ty trong thời gian qua; báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Thanh tra tỉnh để tổng hợp, theo dõi.

5. Đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

5.1- Tổ chức họp kiểm điểm, xử lý trách nhiệm của Giám đốc, Phó Giám đốc liên quan đến nhiệm vụ đã thực hiện để xảy ra các sai phạm trong giai đoạn 2015-2017 về công tác quản lý tài chính, đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, vật tư. Nội dung này cần được thực hiện xong và báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh và Sở Nội vụ **trước ngày 16/7/2019**.

5.2- Kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với Trưởng Phòng Kỹ thuật, Kế toán trưởng và cán bộ phụ trách liên quan đến trách nhiệm đã thực hiện trong công tác quản lý tài chính, đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, vật tư. Nội dung này cần được thực hiện xong và báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh và Sở Nội vụ **trước ngày 16/7/2019**.

5.3- Chỉ đạo Phòng Kỹ thuật và Phòng Kế toán tài vụ tổ chức phối hợp tham mưu Giám đốc Công ty quyết định ban hành Quy chế quản lý tài sản Công ty theo quy định pháp luật; báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh **trong tháng 7/2019**.

5.4- Chủ động thỏa thuận, thương lượng với Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải để thống nhất điều chỉnh hợp đồng giá bán nước sinh hoạt theo đúng quy định, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại mục 1 Thông báo số 145/TB-VPUB ngày 17/5/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời xây dựng phương án giá tiêu thụ nước sạch và quy định mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt theo đúng quy định (do ảnh hưởng bởi việc điều chỉnh giá bán nước sinh hoạt giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải nêu trên), trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định Nhà nước hiện hành.

5.5- Chấn chỉnh lại công tác kế toán, điều chỉnh sổ sách, hạch toán và điều chỉnh các số liệu không hợp lý theo đúng quy định Luật Kế toán.

5.6- Bố trí cán bộ kế toán chuyên theo dõi, hạch toán đúng, đầy đủ chi phí để xác định giá thành phù hợp với quy định. Tiến hành điều chỉnh giá bán nước đối với Xí nghiệp Cấp nước Đông Mỹ Hải đảm bảo nguyên tắc tính đúng, tính đủ các chi phí sản xuất.

5.7- Tiến hành điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện nội dung Điều lệ Công ty báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Đại hội cổ đông thông qua, phổ biến công khai theo quy định pháp luật, hoàn thành **trong tháng 7/2019**.

5.8- Lập quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định tiêu chí hình thành giá thành sản xuất, chi phí quản lý và một số chi phí khác báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Đại hội cổ đông thông qua.

5.9- Chấm dứt việc giao cho các tổ chức không đủ năng lực tư vấn, thi công theo Kết luận thanh tra nhằm đảm bảo quy trình xây dựng, tiến độ thi công, bảo toàn vốn và chất lượng công trình theo quy định pháp luật.

5.10- Công ty có trách nhiệm tiến hành trích nộp vào tài khoản tạm giữ số: 3949 mã QHNS: 01077400 của Thanh tra tỉnh tại Kho bạc Nhà nước số tiền 1.024.311.828 đồng về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân theo Quyết định thu hồi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.11- Tiếp tục hoàn thiện công trình Nhà máy sản xuất nước tinh khiết để đưa vào vận hành và tổ chức sản xuất kinh doanh theo Công văn số 598/UBND-QHXD ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.12- Bố trí đủ kinh phí thanh toán, quyết toán đủ cho các nhà thầu thi công đối với công trình di dời hệ thống cấp nước phục vụ dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đồng thời hạch toán tăng tài sản theo quy định. Nội dung này cần được thực hiện xong và báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh **trước ngày 06/7/2019**.

5.13- Lập thủ tục đề nghị Sở Tài chính hướng dẫn hạch toán giảm số cổ tức được chia lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước cho phần vốn nhà nước tại Công ty tương ứng giá trị tài sản bị thiệt hại của hệ thống nước không di dời để phục vụ việc mở rộng quốc lộ 1A là 668.186.869 đồng; báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh **trong tháng 6/2019**.

5.14- Lập thủ tục ghi tăng nguyên giá tài sản đối với 14 công trình do Công đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện và đưa các tài sản vào danh mục tài sản cố định để theo dõi, quản lý theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Nội dung này cần được thực hiện xong và báo cáo

kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh trong tháng 6/2019.

5.15- Tổ chức cuộc họp kiểm điểm trách nhiệm các đơn vị tham gia đầu tư xây dựng công trình và xử lý các sai phạm theo hợp đồng ký kết. Yêu cầu, đơn đốc Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Việt Lê; Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Trùng Dương Ninh Thuận và Công CP Kỹ thuật ENVIRO nộp toàn bộ số tiền 283.097.325 đồng đã thanh toán sai quy định theo quyết định thu hồi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Đối với Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

6.1- Tổ chức họp kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ đã thực hiện trong giai đoạn 2015-2017; báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Thanh tra tỉnh và Sở Nội vụ trước ngày 16/7/2019.

6.2- Thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm liên quan đến giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.

7. Đối với các đơn vị thi công, tư vấn giám sát.

Các đơn vị thi công, tư vấn có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền 283.097.325 đồng đã được thanh toán sai quy định vào tài khoản tạm giữ của cơ quan Thanh tra tỉnh (số tài khoản 3949 mã QHNS: 01077400 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh) gồm:

- Công Cổ phần Kỹ thuật ENVIRO phải nộp số tiền 62.829.297 đồng.
- Công ty TNHH Tư vấn XD Việt Lê phải nộp số tiền 162.115.671 đồng.
- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Trùng Dương Ninh Thuận phải nộp số tiền 58.152.357 đồng.

8. Giao Đoàn thanh tra giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công khai Kết luận thanh tra theo đúng quy định pháp luật; tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi số tiền (283.097.325 đồng) đã thanh toán cho các đơn vị thi công, tư vấn giám sát sai quy định nộp Ngân sách nhà nước.

9. Giao Thanh tra tỉnh giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện nội dung Kết luận thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan đến khi thực hiện hoàn thành Kết luận thanh tra; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện (lần 1) cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong tháng 7/2019 và báo cáo định kỳ các tháng tiếp theo đến khi thực hiện xong Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực tỉnh ủy; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh; Cục Thuế tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Nội vụ;
- Công ty CP Cấp nước NT;
- VPUB: LĐ, KTTH (đ/c Phương, đ/c Huy);
- Lưu: VT, TCDNC. Tâm

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu